

# TRỊ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

## Mục lục

- |                                                                         |                |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------|
| * Tục-ngữ và Ca-dao                                                     | Hoa-Bằng       |
| * Tục-ngữ Ta đối với Tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây (I)                     | Nguyễn-văn-Tổ  |
| * Sức sống dân Việt-nam trong Ca-dao và Cổ tích (I)                     | Ng.-dinh-Thi   |
| * Chiến-sĩ Việt-nam qua các câu ca giọng hát                            | Tiên-Đàm       |
| * Tiếng vang của non cao, rừng thẳm (I)                                 | Nhật-Nham      |
| * Ba thề phũ, tở, hứng trong ca-dao                                     | Trúc-Khê       |
| * Cách chiêm-nghiệm và cuộc sinh-hoạt của người xưa theo ca-dao tục-ngữ | Trịnh-như-Luân |
| * Đời cô Việt-nữ qua mớ ca-dao                                          | Hải-Trần       |

0 \$ 50

## ĐẶC SAN VỀ

# Tục-ngữ và Thong-dao

(TẬP THỨ NHẤT)



# TỤC-NGŨ VÀ CA-DAO

HOA-BÀNG

**T**ỤC-NGŨ, ca-dao (hoặc phong-dao), hai nguồn văn-chương rất phổ thông của đại-chúng.

Tục-ngũ, ca-dao, hai món di-sản rất quý của tiền-nhân để lại.

Tục-ngũ, ca-dao, hai kho tài liệu rất phong phú trong văn-học Đại Nam.

Tục-ngũ, ca-dao, hai đặc điểm của dân Việt, độc-lập cả từ hình-thức đến tinh-thần.

Trước khi nói đến cái hay, cái đẹp của tục-ngũ, ca-dao, tôi hãy định nghĩa và thuyết minh về chúng đã.

Thứ văn-chương bình-dân này, lúc mới ra đời, tất nhiên còn là những câu mộc-mạc, tự-nhiên, đơn sơ, ngắn-ngủ: ấy là tục-ngũ hoặc ngôn ngôn. Sau dần tiến theo thời-gian, bấy giờ mới xuất hiện những câu văn-hóa, bóng-bẩy: ấy là phong dao hoặc ca-dao viết bằng lối lục bát hoặc lục bát biến thể.

Vậy có thể nói Tục-ngũ để trước Phong-dao.

Tục-ngũ là một thứ văn vần không hạn số chữ, có vần ở *chân* hoặc ở *lưng* trong một hay hai câu không chừng, nhưng không bó buộc tất phải vần bằng, hoặc tất phải vần trắc. Nó ra đời từ lúc mới có dân-tộc này. Lâu ngày nó tiệm-nhiệm vào phong-tục, nhuần-thuần khắp dân gian.

Đặc tính của tục-ngũ là đem những điều đã kinh-nghiệm về thiên thời, về nhân sự, về thế-thái, về tục tình, về cách xử lý,

về phương tiếp vật mà nêu lên những bài học thuộc phạm-vi nhân-sinh, phong-tục, luân-lý, đạo-đức... tùy theo trình-độ và hoàn-cảnh từng thời-dại.

Đặc-tính của ca-dao là khoác cái bình-thức văn-chương bình-dị và thiết-thực mà trau-giồi cái ý-tử bóng - bầy, tư-tưởng thâm - trầm, khiến cho người nghe dễ lĩnh hội vì lời văn nhẹ nhàng giản-dị, tiện ghi-nhớ vì âm-vận gieo-giắt và nhạc-vận du-dương.

Có lúc Ca-dao đóng vai sử-thần ghi-chép những sự-biến đã xảy ở trong triều hay ngoài nội.

Có lúc Ca-dao đội mũ con trâu, đàn-hặc những cái bất công, phi-pháp gây bởi những hạng người tham nhũng, thiên-tư, ích-kỷ.

Có lúc Ca-dao, với ngòi bút trào-phúng, mai-mĩa những chuyện nhố-nhăng, lố-bịch và đáng tức cười của bọn vô-tài, dốt nát, biếng-nhác, giả-dối, hoặc « học làm sang »...

Có lúc Ca-dao lại làm thầy đời dạy người ăn ngay, ở thẳng, tránh dữ, làm lành...

Ngoài những tính-cách « vi nhân-sinh » ấy ra, Ca-dao còn là một tay say-sưa cái Đẹp, đùa bốn chữ Tình nữa.

\*\*\*

Trong Kinh Thi có cất nghĩa về phong-dao như vậy:

« 風者民俗歌謠之詩 Phong giả dân tục ca-dao chi thi » (1) (nghĩa: Phong là thơ của dân tục ca dao).

Lại nói: « 凡詩之所謂風者多出於里巷歌謠之作所謂男女相與詠歌各言其情者也 Phàm thi chi sở vị phong giả đa xuất ư lý hạng ca-dao chi tác, sở vị nam nữ tương dữ vịnh ca, các ngôn kỳ tình giả dã » (2). (Nghĩa: Phàm những thơ nào gọi là phong phần nhiều đều là những bài ca dao phát ra ở nơi làng quê, ngõ xóm, tức gọi là những câu nam nữ cùng nhau ngâm hát, ai nấy bày tỏ cái tình của mình).

Mà Từ-nguyên của Tào cũng giải nghĩa hai chữ « phong dao » rằng: « phong-dao là lời ca-dao về phong-tục, tức là cái nghĩa người xưa bày thơ để xem xét phong-tục dân gian » (xem bộ « phong », trang 1635).

\*\*\*

Trước khi muốn biết phong-dao của ta có chịu ảnh-hưởng hay đối lập với kinh Thi là một đồng tập thi ca đời xưa của Trung-hoa thế nào, ta nên ngó sơ toàn bộ kinh Thi Tào một chút. Nội-dung sách này chứa những câu ca, bài hát ở nơi thôn-đá, chốn triều-dình.

Tất cả có 300 bài thơ phần nhiều là lối tứ ngôn hết. Tuy thỉnh thoảng cũng có một đôi câu hoặc ba, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hoặc tám, hoặc chín chữ xen vào trong khoảng những câu tứ ngôn, nhưng đó là số rất ít.



Viết trong Thế giới văn minh, sử (3), nhà học giả Cao song-Lâm Thư-lang có phê bình về kinh Thi của Tàu rằng: « Kinh Thi là môn văn học rất cổ của Trung-quốc... Phúng, vịnh, tả, thần, lưu-lộ tính tình người ta một cách tự-nhiên. Đọc suốt 300 thiên, thấy lối thơ thuần-túy trữ-tình thì rất ít, nhưng lối thơ ngụ ý đầy-dỗ thì nhiều... » (4)

\*\*\*

Tuy có chịu ảnh-hưởng ít nhiều của kinh Thi Tàu, phong-dao ta vẫn giữ được nhiều tinh cả độ-lập cả về hình thức lẫn tinh thần của nó.

Trước hết hãy xem về hình-thức.

Ca-dao, có thể nói, là lối văn lục bát. Mà thể lục bát lại là lối văn đặc biệt của dân-tộc này.

Có người bảo: thể lục bát của ta là lối thuật ở câu này trong kinh Dịch:

« Lục tam : hàm chương, khả trính  
Hoặc long vương sự, vô thành, hữu  
chung » (5).

Nhưng, nói cho đúng, câu kinh Dịch ấy có phải đọc theo lối « lục bát » như người ta đã phiên-dịch ấy đâu. Thực ra, phải chấm câu như thế này: « Lục tam : hàm chương, khả trính ; hoặc long vương sự : vô thành, hữu chung » 六三 含章可貞或從王事无成有終 Nghĩa là hào Lục-tam trong quẻ Kôn có cái tượng như người làm bấy tôi, bất ngẫm giấu cái đẹp để rõ ràng thì có thể giữ được bền vững. Hoặc khi làm việc cho vương-thượng, không dám đương lấy cái thành công, chỉ giữ trọn đạo cho có cuối-cùng.

Câu văn một mạch liên lạc như thế, quyết không thể cắt ra làm

hai câu trên sáu dưới tám để ép nó vào thể Lục bát được. Và, suốt trong các từ-đầu Tàu không có quyền nào cắt nghĩa đến cái danh từ « lục bát văn thể » hoặc « lục bát thi thể » gì cả. Đủ biết thể « lục bát » trong văn ca-dao ta hoàn toàn là sản-phẩm của xứ sở, rành rành là màu-sắc đặc-biệt do dân Đại Việt sáng-chế, chứ không hề mô-phỏng của Tàu bao giờ. Cái thuyết ngời xưa bảo thể lục bát của ta là lối thuật trong Kinh, Truyện Tàu rồi dẫn chứng bằng câu Kinh Dịch trên là câu b T ung dụng này

« Phù thủy nhất thực chi đa,  
« Cáp kị bất trắc, ngoan, dã, giao,  
long... » (6)

nếu không phải cốt để « lấy lòng » người Tàu cho được việc trong một chốc lát, thì cũng là sự sặc tặc bất kinh. Vì nếu một lối văn Tàu đã có ảnh-hưởng lớn đến ngoại quốc như thế, không lẽ chính-tông của Tàu lại chỉ vốn-vẹn có hai câu trong Kinh Truyện ấy thôi? Và, sao sau hai câu trong Kinh Truyện ấy, trên tra văn học sử lại thấy hoa chữ là lục bát và lục bát này nở rồi phát đạt? Mà chẳng những không nảy nở, không phát đạt, ngay đến trên thi đàn Tàu không hề thấy bóng một nhà văn Tàu nào làm đại biểu cho thể văn đó. Thế nghĩa là họ không biết tới nên không viết, đến. Vậy ta nay không nên nệ theo người xưa mà khẳng nhận thể lục bát trong ca-dao là lối thuật trong Kinh, Truyện của Tàu được. Nay phải dứt khoát nói rõ: Ca-dao là lối văn lục bát, mà lục bát là một lối đặc-biệt thuần túy Việt-văn.

\*\*\*

Ca-dao tục ngữ của ta chẳng những có cái hình-thức độc lập khác hẳn văn-thể Tàu như thế, mà cả về mặt tinh thần đã có chịu ảnh-hưởng ít nhiều của Trung-hoa, nhưng chung-quy vẫn giữ được cái bản-tính, cái đặc-sắc của nó.

Trừ một vài câu có họ hàng, có cội-gốc ở trong văn Tàu hoặc ta và Tàu có chỗ không hen mà gặp nhau ra, Tục-ngữ Ca dao của ta muốn tỏ mình đầy có sở đắc về tinh thần, độc lập về tư tưởng lắm khi đứng riêng là chủ ở trên địa hạt quốc văn, không chịu nể lệ tư-tưởng người Tàu, mà thỉnh-thoảng lại phản-đối những môn văn-hóa ngoại-lai là khác nữa:

Tàu xưa rất mê tin địa-lý, coi môn « tróc long lăm hồ » là cái thang đưa nhà « được mã » lên lâu đài công hầu khanh tướng, hưởng thụ những thú muôn tứ nghìn chung.

Nhưng phản đối cái tư-tưởng vớ vẩn và hành-vi vô ý thức, Ca dao là lên tiếng:

« Hòn đất mà biết nói năng  
« thì thày địa lý hàm răng chẳng  
còn... »

(Xem tiếp trang 20)

(1) « Phong, Nhã, Tạng (tổng thuyết) — Tạng bổ Thi kinh thể chế để nghiên cứu tham. — Truyện tự từ 29 a — Kun ngọc lân tàng bản.

(2) « Thi kinh truyện tự — Sách đã dẫn, từ 30.

(3) Nguyên thư bằng hồ văn, Thượng hải Thượng vụ ấn thư quán dịch ra Hán văn.

(4) B én thứ hai, chương thứ hai, từ 16 a

(5) Dịch kinh đại toàn, quyển 3, từ 9 a

(6) Sinh ngữ văn học... có hai chữ... »



# TUC NGỮ TA

đối với Tục-ngữ Tàu và Tục-ngữ Tây

Ứng-Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Về thời chữ nôm, đã nhiều người lược-nhập những câu phương-ngôn tục-ngữ chép thành sách nửa nôm, nửa chữ, như quyển *Nam phong giải trảo* của Trần Liễu am (nhị-giáp tiến-sĩ tên là Trần-danh-Án, đỗ năm 1787) và Ngô Hạo-phu (đỗ g 21-nguyên khoa 1819, tên là Ngô-dinh-Thái) dịch câu tục-ngữ của ta ra thơ chữ nôm, theo lối Kinh Thi, mỗi bài lại giảng nghĩa bằng chữ nôm, nghe dần còn vắn khắt, Liễu-văn đường in lại năm 1910. Lại như quyển *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục* của hiệu Quan-vân đường in năm 1914; quyển này chia ra từng mục, chép được nhiều câu phương-ngôn tục-ngữ, trên chữ nôm, dưới quốc-ngữ, nhưng không giải nghĩa.

Riêng về chữ nôm và chữ nôm, trường Bắc-cổ sao được mấy quyển sau này: *Quốc phong thi hợp thái* (số sách AB 182) *Quốc phong thi diễn ca* (số sách AB 335); hai quyển đều của Mộng lên đình Uy-lượng soạn ra, dịch tục-ngữ ta ra thơ chữ nôm theo lối Kinh Thi, và giảng nghĩa bằng chữ nôm, trong tập có chia ra từng tỉnh, như Thừa thiên, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Sơn tây v.v., có ba nhà phê-bình, là: Giải-bộc-khanh Đỗ Giám-hồ, Ca -trường Mai Thúc-trình, Tiến sĩ Nguyễn Tuấn phũ; — *Đại-nam quốc tuý* (số sách AB 174) của Ngô g ap-Đậu đỗ Cử-nhân nam 1891, làm

đến đốc-học tỉnh Bắc-ninh chép ra, chia làm hai tập: tập trên hơn một nghìn tám trăm câu phương-ngôn tục-ngữ, tập dưới được hơn sáu trăm câu ca-dao; tập tục-ngữ lại chia ra từng mục, như mục văn học, mục răn dõ, v. v., kê ra xứng đáng với tên « quốc-tuý Đại-Nam »; — *Nam-phong nữ-ngạn thi* (số sách AB 343) của Trần Liễu-am và Ngô Hạo-phu, cũng dịch tục-ngữ ta ra thơ chữ Hán theo lối Kinh Thi; — *Tục ngôn tập-biên* (số sách AB 604) không rõ của ai, gộp từ câu bốn chữ đến câu tám chín chữ. Còn vài quyển nữa, như quyển *An-nam phong-thổ hoai* của Trần-tất-Văn, *Việt-nam phong sử* của Nguyễn-văn-Mại, v. v., nhiều người đã biết, thiết-tưởng không phải kê hết cả ra đây.

Sách quốc-ngữ thì nhiều lắm, có quyển *Tục ngữ an-nam dịch ra tiếng tây* của Triệu Hoàng Hòa (V. Barbier), G. Cordier (*Essai de parémiologie*), Julien (*Cours de langue annamite*), v. v., *Gương phong tục* của Đoàn-duy-Bỉnh, *Tục ngữ phong-dao* của Nguyễn văn Ngọc, v. v., đều là tài-liệu giúp ích cho những người biên khảo về tiếng nước nhà.

Tục-ngữ với phương-ngôn, ngôn-ngữ với tục-ngạn khác nhau thế nào, cách-ngôn với châm-ngôn có giống nhau không, những quyển trên kia chưa quyển nào nói tới;

có lẽ cho rằng ai cũng hiểu, không phải giảng; nhưng xét chỗ kỹ, cũng có chỗ hơi khác nghĩa, nên tôi tạm giảng dưới này.

Nhân tiện tôi lấy câu tục-ngữ của ta so với câu tục-ngữ của Tàu và tục-ngữ của Tây, là việc xưa nay chưa ai làm. Ý tôi là đối chiếu tục-ngữ nước nọ với tục-ngữ nước kia, chứ không phải dịch ra chữ nôm hay chữ tây như những sách đã in; và cũng không dám nói là giải nghĩa, vì nghĩa rộng lắm, có câu 2, 3 nghĩa, có câu 4, 5 nghĩa mà cũng chưa chắc là đủ.

Trong khi đối chiếu thì tôi nhận thấy rằng: tục ngữ ta với tục-ngữ tàu có nhiều câu giống nhau như đúc; có nhiều câu chính là tục-ngữ của Tàu, rồi dần dần hóa làm tục-ngữ của ta, như câu « Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên » nghĩa là định việc ở người, thành việc ở trời, tức là câu « Khôn cũng chẳng khỏi trời », và câu « Người trù-định, trời quyết-định » (*L'homme propose, le Ciel dispose*).

## I. Tục-ngữ. —

### *Ngạn-ngữ. — Tục-ngạn.*

Tục-ngữ là câu thành-ngữ, nói đã quen trong thế-tục; nhiều câu nghĩa-lý thâm-thúy ý-từ cao-xa; câu nào từ đời xưa truyền lại gọi là ngạn-ngữ, cũng có khi gọi là tục-ngạn. Nhưng dù là ngạn-ngữ tục-ngữ hay tục-ngạn, thì nghĩa cũng gần giống nhau. Thí dụ: câu « nước chảy đá mòn », tục-ngữ tây là « thủy trich thạch-vuyên » nghĩa cũng như câu của ta, ý nói đá tuy rắn-chắc, mà nước chảy mãi cũng phải mòn, tục-ngữ tây là « La pierre use le







Nói tại nhà hát lớn Hà-nội ngày 5-5-1944

# SỨC SỐNG DÂN VIỆT NAM TRONG CA-ĐAO VÀ CỔ-TÍCH

NGUYỄN-DÌNH-THI

**T**hưa các ngài  
hưa các bạn.

Trong văn học Việt-nam hiện nay đang nổi một cơn bão hướng quay về cũ rất mạnh mẽ. Sau một thời kỳ hoang mang trên những cơn đờng xa lạ, kẻ học nước ta thấy rằng chỉ có thể tiến nhanh khi có một khối đóm chắt chắt, chỉ có thể phát triển rộng rãi trên cái gốc rễ của mình. Nên khắp nơi liền liền vang dội những tiếng kêu gọi quay về với tinh thần Việt-nam, tìm kiếm tinh thần Việt-Nam, và nói về tiếng Việt-nam cho thuần túy!

Công cuộc dân-tộc-hóa mỗi ngày được hưởng ứng một thêm nhiệt thành, tuy vẫn chưa đem đến cho chúng ta được tia sáng nào thực rõ rệt. Cuộc hội chuyện của chúng tôi ngày hôm nay chính có mục đích là muốn góp một phần nhỏ bé và thô sơ vào việc đi tìm ánh sáng ấy.

\*\*\*

Nói tinh thần Việt-nam dễ, định rõ tinh thần Việt Nam mới là khó. Nhưng đó mới là việc cần. Chưa đồng ý với nhau về nội dung tinh thần dân tộc, những kẻ học nước ta chưa thể góp sức được hiệu quả vào một công cuộc kiến thiết nào lâu dài và rộng lớn đời đời.

Song muốn tìm hiểu tinh thần Việt-nam, thực là khó. Nước nào cũng vậy, trong lịch sử, đã phải

đụng chạm với nhiều nền văn hóa bên ngoài và chịu ảnh hưởng sâu xa nhiều hay ít của những dân tộc khác. Nếu không tỉnh ý, ta dễ nhận lầm những ảnh hưởng hậu thiên ấy làm tinh thần tiên thiên của dân tộc mình.

Vì vậy, ta mới thấy nhiều điều nhận xét với vàng trong giới văn học hiện đại. Chẳng hạn, có một nhà văn, Vũ, ngọc Phan: Trên đường nghệ thuật, khi tìm đặc tính văn chương Việt-nam, đã bạo đoán rằng đặc tính ấy là buồn. Điều nhận xét của ông ta, theo ý chúng tôi, là một điều lầm, và không nặng lắm mà còn tai hại. Tai hại vì nó dễ dẫn đến những tư tưởng bi quan, và dễ đẩy bọn thanh niên vào những quan niệm nghi ngờ hèn yếu, mà không biết rằng những quan niệm ấy chỉ là đồ nháp của nước ngoài.

Nền văn hóa nước ta xưa là công trình của lớp người nông dân. Vì vậy, muốn hiểu tinh thần Việt-nam, không thể đem riêng cái văn chương thượng lưu của một số ít nhà nho chịu khuôn khổ của Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo ra mà xét được. Làm môn đồ của Thích Ca và Lão Đam, họ chán đời là lẽ tự nhiên. Vâng theo tam cương ngũ thường của Nho-giáo, họ « luận lý », họ tôn ti, họ phụng thờ cũng không có gì lạ! Nhưng, cũng

chính vì họ là học trò người ngoài như thế, nên không thể xứng đáng làm đại biểu cho tinh thần dân tộc thuần túy được. Muốn biết tinh thần Việt-nam chân chính, muốn hiểu rõ cái nguồn sống chảy trong mạch máu dân tộc, chúng ta, phải tìm đến văn chương của dân chúng, tuy bình dị, nhưng thực biểu lộ được ý nghĩ, tình cảm và hành động của mọi người. Nền văn chương đại chúng đó, khi đã thành hình là ca dao, khi chưa thành hình là cổ tích vậy.

\*\*\*

1) Ca dao dân chúng riêng về phương diện hình thức, cũng đã xứng đáng mang tên Việt-nam, vì thể văn ca dao là một thể văn thuần Việt-nam, không mượn niêm luật ở ngoại quốc. Thực vậy, thể lục bát với những biến thể của nó, trong cách gieo vần, xếp thanh, là của riêng người nước ta tạo ra và cũng hợp riêng với tiếng nói nước ta cũng có thể nói rằng riêng thể thơ đó phù hợp với tâm hồn chúng ta hơn cả nữa.

Ta thử nghe:

« Bước tới đèo ngang, bóng xế tà.  
Cỏ cây chen đá lã chề hoa,  
Lom khom dưới núi tiều vài chú.  
Lác đác bên sông chợ (hoặc r) mấy

Nhờ nước dàu long cơn cuộc cuộc.  
Thương nhà một miếng cái gia-gia  
Đứng chân đứng lại: trời, non, nước  
Một mảnh tình riêng ta với ta.



3. Phải thời quốc thuộc này ta cũng  
 đã nhiều những vấn không giải  
 quyết được như sau đây. Nó đáng  
 là đại biến cho lối thơ trước của  
 ta. Nhưng phước của nó vẫn lớn  
 thêm bằng và ảnh hưởng của nó vẫn  
 lớn thay đổi, không định được  
 bởi nó bằng. Ảnh hưởng của nó  
 nói như thế này.

Trái lại, trong một bài lục bát câu dài ngắn khác nhau, vẫn trong câu xen lẫn với vắn xuôi câu, tiếng lên tiếng xuống khiến cho những câu thơ khác điệu thay đổi được dễ dàng mà nhịp nhàng, thướt tha biến hóa dưới bút nhà thơ cũng được thêm nhiều cách.

Buổi trông giữ bể chiều hôm,

Thầy ơi! hãy thông cảm, hiểu  
xa xa!

Buôn trồng胡椒 nước mới sa:

Hoa trôi mạn mách biết là về đây !

Bên trong nội cảnh rất rầu :

Chàng này mặt, dãi một, màu xanh  
xanh

Buồn trông gió cuốn mặt nhành  
Đã vùi dập, n. sóng kên, ghe ch. ch.

Am kum tery song ken qamun ghe  
Bafgdi b

Độc thơ, nhịp thơ, trong thể lục bát. Lục bát dễ biến đổi hơn, và nghe riu rít hơn. Lát nữa, trong vở kịch dờ các bạn chúng tôi trình bày, các ngài sẽ thấy rõ những câu thơ lục bát nổi bật hẳn lên, dưới các câu thơ mới như thế nào. Cũng như hợp với tiếng Việt-nam như thế, nhà thơ có thể viết những truyện dài mấy ngàn câu lục bát mà không lủng lủng, và không phải phạm luật thơ. Trái lại, ta chưa thấy ai viết nổi một bài thơ dài được mấy ngàn câu thất ngôn đủ là những thơ Đường-luật hay là hát ngón cổ thể, ngiĩa là biến vận, biến điệu? Có được một vài bài trước đây dài một vài chục câu thì cứ đọc lên cũng cảm thấy rõ nổi chặt-vật của tác-

**Thống-chế Pétain**  
**đã nội,**

Bản chức vận hoài-niệm  
đến những người Pháp  
canh-dũng và can-cường  
trong cảnh-ngộ không may,  
luôn luôn tin-cậy vào vận-  
mệnh Tờ-quốc và cương-  
quyết bảo-tồn sự nhất-trĩ  
của Quốc-gia.

giả. Dùng một linh ảnh hời hợt làm  
bạo, là rõ thế vì những lối thờ  
phụng Trung Hoa; như một cách  
bình dị để tỏ lòng, dĩ đạo,  
nhưng không sao phá vỡ được  
tâm-bồn rộng rãi, không sao đủ  
cho sức lôi cuốn của cả một dòng  
sông thơ lục bát trải lại, i hợp  
với từng nỗi ước ao, nên có  
thể được được, niềm ngưỡng vọng  
hưng trăn lan rộng, mà không bị  
tự, phải nhận, sự hủy bỏ một cách  
gì.

\*\*\*

Ca dao là nguồn gốc của thể thơ lục bát nên đã là một giá trị Việt nam rồi. Nhưng ngày nay, đối với ta, nó sẽ dĩ đáng trọng, đáng bảo tồn, thì nhất là vì nội dung của nó. *Tình thân ca dao, y nghĩa ca dao*, ấy mới là điều cần biết rõ, thấy rõ trong lúc ta đang vận hiệu tinh thần Việt-nam.

Khi đứng về phương diện nội dung mà xét đến ca dao như vậy, ta thấy rõ điều này: *Cái tính thần ca dao Việt-nam, trước hết, là một tính thần ham sống, vui vẻ ham tranh đua, lạc quan tin tưởng ở tương lai.* Đó không phải một tư

lười gầy mĩ chán đời sợ loạt  
động lênh cuồn sống thối ngui,  
bạc sợ hãi. Cái tình thấp hèn  
sống của ca dao Việt nam, mới  
thực là tình, thẹn Việt nam chán  
túy, chưa pha lẫn. Nó, hậu đượm  
cho sức sống của giống nòi chúng  
ta, trong những ngày gòn đầu, g  
tháng, còn đượm một hương, mà  
chưa cội đầu.

Trái cây, cỏ cây năm trăm năm tuổi, cây  
trụ cột, cây cối, cây cối ta đã thấy, cây cối  
nhiều phen, cây như cây. Ngươi  
Trái, nhiều lần ở dưới đất, cây như  
sao buổi sớm, cây cối ta như ta  
mùa, cây cối, cây cối, cây cối rồi lại  
cây cối, cây cối, cây cối rồi lại cây cối,  
cây cối, cây cối, cây cối, cây cối  
nội như cây cối, cây cối, cây cối, cây cối  
Sức sống đó luôn luôn biến đổi  
tôi anh năm ngàn năm cách cách  
nhau, cây cối trong rừng, cây cối  
của sự sống, cây cối, cây cối, cây cối  
nội, cây cối, cây cối, cây cối, cây cối, cây cối  
dẫn đến sáng tạo.

Nỗi hân oán dẫn dắt, một  
đường lối phản động đặc biệt. Vì  
thế, muốn phân biệt dứt mọi cá  
phần độc của sức sống Việt-nam  
qua những câu ca dao, cần phải  
nhiều thời giờ, và nhiều lịch duyệt.  
Kể hậu sinh chúng tôi, tuổi nhỏ,  
trí non, chỉ được ít thời giờ  
hầu chuyên các ngài, nên chỉ dầy  
(Xem tiếp trang 18)

Muốn làm giàu mua vé số

# Dũng Pháp

ý 1p' 20 một vé



## Tục-ngữ Ta...

(Tiếp theo trang 5)

Thí dụ câu « Muốn ăn cá phải quảng chải » là câu nói của người ở gần bờ; tục-ngữ tàu là « Lắm uyên nhi tiển ngư, bất như thoái nhi kết võng » nghĩa là tới vực sâu khen cá, chỉ bằng vẽ đàn lưới; tục-ngữ tây là muốn ăn nhân phải đập vỡ hột (Il faut briser le noyau pour avoir l'amande). Người ở miền núi thường nói « Muốn ăn hết phải đào giun » cũng nghĩa như thế. — « Trâu bỏ búe nhao ruồi muỗi chết » cũng là phương-ngôn, vì nói về miền thôn-đ, do chữ nhô là « Ngưu lao đầu, nhi văn manh tổ », cũng nghĩa với tục-ngữ tây là bao giờ người bé cũng khổ về cái đại của người lớn (De tous temps, les petits ont pâti des sottises des grands). — « Nói như nước đổ đầu vịt » là phương-ngôn của người buôn gà buôn vịt; « Nói như nước đổ lá khoai » là phương-ngôn của người giống cây; tục-ngữ tàu cũng có câu « Tuỷ quán áp đầu », là nước gội đầu vịt, và câu « Như thủy ốc thạch » là như nước gội đá; tục-ngữ tây có câu « tiếng của kẻ kêu ở hải sa-mạc » (Vox clamantis in deserto). — « Cả bè lơa cây nứa » là phương-ngôn của người đi buôn, cũng nghĩa với câu tục-ngữ « Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó »; tục-ngữ tàu là « Ngô, Việt giai huynh đệ; ý hợp tác Ngô, Việt tương thân, ý bất hợp tác cốt nhục vi cừu địch », nghĩa là người Ngô người Việt đều là anh em, hợp ý thì tuy người Ngô người Việt mà thân nhau, không hợp ý thì tuy là ruột thịt cũng hóa ra cừu thù; tục-

ngữ tây là xum họp nhau lại thì thành sức khỏe (L'union fait la force), hợp lực thành thế-lực, tức như câu « Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao » (xem dưới này, ở mục Tục-ngữ tàu). — « Cũng toàn cần đuốc đốt giới, chẳng may cả gió tàn rơi vào đầu », tục-ngữ tàu là « Phiên-não giai nhân cường xuất đầu », nghĩa từng chữ là phiên-não tại cái đầu ép; tục-ngữ tây là phải phạt ở chỗ phạm tội (Un est puni par où l'on a péché), sở dĩ gọi là phương-ngôn là tại câu của ta nói riêng về một hạng người, như người gian-lừa. — « Trách võ dừa, phải võ dừa, « Trách anh hàng phũ, lại gặp anh hàng mã » cũng vì lẽ ấy mà gọi là phương-ngôn; Tàu có câu « Chinh lý lang sa hựu phùng hồ khẩu » nghĩa là vừa thoát khỏi ổ con lang, lại gặp miệng con hổ »; Tây có câu ngã ở Charybde vào Scylla (Tomber de Charybde en Scylla). Nguyên chỗ eo biển Messine thường có gió cuốn những tàu

qua lại, ngày xưa những tàu đi qua đây thoát khỏi chỗ gió cuốn (charybde) thường vấp phải đá (Scylla); thế là vừa thoát khỏi chỗ nguy này lại bị phải cảnh khổ kia. Ca-dao của ta cũng có câu «...sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-giang...». Trường là chỗ đất bỏ hoang thành rừng rậm, nhà Hồ tức là làng Hồ-xá ở phủ Vĩnh-ninh, tỉnh Quảng-trị, ngày xưa chỗ ấy thường có trộm cướp tụ họp, bóc lột người qua lại, có khi mất của hại người, nên ai cũng sợ. Phá Tam-giang ở về hạ lưu huyện Phong-diên, Quảng-diên, phủ Thừa-thiên, khúc sông ấy nước rất sâu nhưng thuyền qua lại phần nhiều bị đắm. Đến đời chúa Nguyễn-Poác-Chú (1691-1725) sai Nội-tán Nguyễn-khoa-Đặng-kinh-lý Hồ-xá, dẫn cây trong rừng, đặt phép nghiêm-cấm, dẹp yên trộm cướp người đi buôn được tiện lợi; lại khoi một con đường ở cạnh phá Tam-giang cho nước chảy ra sông, từ bấy giờ được yên sóng dữ, thuyền đi thuận tiện. Cho nên người bấy giờ có câu

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đại Học thư xã trình bày

Sắp bán:

**VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**

của bà Mông Sơn viết

— Một phương pháp phê bình mới lạ — Một tinh thần mới lạ — Một cây viết danh thép — Cần cứ vào hiện trạng pháp, tác giả nghiên cứu về vấn đề phụ nữ trên thực trạng xã hội Việt Nam  
Sắp xuất bản:

**KHÔNG GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH**

nguyên cứu của Nguyễn uyên Diễm

**VIỆC và SỐNG**

của Nguyễn xuân Huy

Khái luận về tâm lý văn Học Hiện đại

Mới có bán:

**MỆ TÔI**

của Nguyễn khắc Mẫn

Chuyện viết rất chọn lọc — Giá 3\$80

**ĐẠI HỌC THƯ XÃ 181 Henri d'Orléans**

Giám-đốc: LÊ MỘNG CAU



ca-đạo rằng: « Thương anh em cũng muốn vô, sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam giang; phá Tam-giang ngày rày đã cạn, trường nhà Hồ, Nội tán cấm nghiêm ». — Câu « Chùa rách mà có bụt vàng », tục-ngữ Tàu là « nhân bất khả mạo tượng, hải bất khả đầu tuong » nghĩa là « không nên lấy ngoài mặt xem người, không nên lấy đầu đồng nước bề », tục-ngữ Tây là mặc áo hầu chưa hẳn đã là sư (L'habit ne fait pas le moine), tức là không nên xét bề ngoài: ba câu cũng một ý nghĩa.

### III. Cách ngôn — Châm ngôn.

Tục - ngữ Ngạn - ngữ đều là những câu có đã lâu; trong lại có những câu thuộc về luân lý như khuyên học, dạy con, sửa mình, răn đời, người Tây gọi là « Phổ-thông đạo-đức trong Ngạn-ngữ », tức là cách-ngôn và châm-ngôn. Cách-ngôn là những lời nói có phép-tắc, có thể dùng làm khuôn-mẫu cho mình hoặc cho người. Thí dụ: câu « Yêu cho vọt, ghét cho chơi », cũng có nơi đọc là « Yêu cho dòn, ghét cho ăn » đúng với câu tục-ngữ Tàu « Liên nhi đa dư đồng (phủng), tăng nhi đa dư thực » nghĩa là thương con cho nhiều dòn, ghét con cho ăn nhiều, tục-ngữ Tây là lễ yêu lắm là phạt nhiều (Qui aime bien châtie bien) câu « Trăm hay không bằng tay quen » chữ nho là « Bách năng bất như thủ thực », hai câu nghĩa in nhau; tục-ngữ Tây là đã

từng-trải thì không cần khoa-học (Expérience passe science), ý nói kinh-nghiệm còn hơn học-thức. — Câu « cò công mài sắt có ngày nên kim », tục-ngữ Tàu là « ma chữ thành châm » nghĩa là « mài chày sắt thành kim », tục-ngữ Tây là hết sức làm việc thì thắng cả mọi thứ. (Labor omnia vincit improbus). — Câu « Kiến tha lâu cũng đầy tổ », tục-ngữ Tàu là « tích tiểu thành đại », tục-ngữ Tây là « dần dần chụm làm được tổ (Petit à petit l'oiseau fait son nid) », và câu nhiều suối thành sông (Les petits ruisseaux font les grandes rivières).

Châm ngôn là những câu có ý khuyên răn người đời chớ nên bất chước, hoặc dạy bảo người phải nên tuân theo. Thí dụ câu « Ăn có nhai, nói có nghĩ » tục-ngữ Tàu là « Thân tu trạch hạnh, khẩu tu trạch ngôn » nghĩa là sửa mình nên chọn tốt, miệng nói nên chọn lời, tục-ngữ Tây là nói nhiều quá thì hại, gãi nhiều quá thì đau (Trop parler nuit, trop gratter cuit), tức cũng như câu (Đa ngôn đa quá). — Câu « Trông người phải ngắm vào ta » tục-ngữ Tàu là « Tiên trách kỷ nhi hậu trách nhân » nghĩa là « Trước trách mình rồi sau bắt người », tục-ngữ Tây là « Trước khi chê người què mình thử nếm xem mình có ngay không (Avant de se moquer du boiteux, regarde si tu marches droit) : ba câu đều giống nghĩa nhau. — Câu « Gân mực thì đen, gân đèn thì sáng » tục-ngữ Tàu là « càn chu giả xỉ h, càn mễ giả h » nghĩa là gân sẫm thì tối, gân sáng thì óng, tục-ngữ Tây là Ánh sáng chói với ai, tôi sẽ bảo ánh là người thế nào D. & moi qui tu

hautes, je te dirai qui tu es). — Câu « Kéo buồm theo gió », tục-ngữ Tàu là « Tùy Phong chuyển phàm » nghĩa là theo gió, quay buồm, tục-ngữ Tây là phải chớ theo gió, (Il faut naviguer d'après le vent).

Những câu như thế có thể chép thành vài quyển sách, mà vẫn chưa hết đã hết, cho nên ở Âu Mỹ phải đặt ra những hội để nghiên cứu tục-ngữ cả đạo: giả nước ta có nhiều người chịu khó sưu tập, thì may ra nhất được một lý-ngữ, ngạn-ngữ, đồng giao phong dao, xưa đời trước, và bảo-đơn được cái kho quốc-vũ vô giá này.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN TỐ

### Giới thiệu

Tri Tân vừa nhận được cuốn « Vua cốt mìn và chiến cụ Alfred Nobel » của ông Dương Văn Mậu gửi tặng và do G. I. P. I. C. xuất bản.

Bìa in màu, có bức họa ông Nobel giá 2\$20 dày 113 trang.

Đó là một cuốn sách thuộc loại « Tai mắt nạm châu » do ông Mậu biên soạn — Tác giả đã cố gắng khảo cứu một cách công phu về thân thế của Nobel.

Trong lúc khởi lửa chiến tranh đang thiêu đốt biết bao triệu sinh linh, mọi người ai cũng cầu cho tống tới lúc hòa bình để an cư lạc nghiệp.

Nay cuốn sách về ông Nobel người sáng lập ra giải thưởng hòa bình quốc tế ra đời, trông cũng là một việc hợp thời và đáng chú ý vậy.

Xin thành thật cảm ơn ông Mậu đã có nhã ý tặng sách và giới thiệu với tác giả.

TRỊ TÂN

### Hộp thư

— Ô. Ng. hữu Thích — Nhận được mandat rồi — Cảm ơn.

— Ô. Phạm ngọc Dương — Quảng Ngãi — Nhận được mandat 6\$ hôm 20-5-44 — Cảm ơn.



# CHIẾN SĨ VIỆT NAM

qua các câu ca, giọng hát

TIỀN ĐÀN

**N**ƯỚC Việt ta từ khi mở nước, các triều đại lúc nào cũng chăm lo hai việc là Bắc cự đề giữ nền độc-lập, Nam tiến đề mở mang bờ cõi.

Vì thế, về binh-chế, thường theo chính-sách « ngu binh ư nông », quân lính đều là trai tráng, khi nhà nước có việc lựa chọn tuyển lấy lính sung vào quân đội, thời tái binh lại cho một phần trở về làm ruộng.

Người chiến-sĩ Việt nam đã mấy thế kỷ, bao phen vào sinh ra tử ở các trận Khâm, Ung, Liêm, Bạch - đằng, Chi-lăng, Đống - đa, phần đông là con nhà làm ruộng, có cái tâm-bồn chất phác của kẻ nông-dân. Họ cảm động mỗi khi phải rời lũy tre xanh, bỏ đồng lúa vàng, ra đi vì việc quân-vương nhưng vẫn nặng lòng thê tử. Rồi một khi, xông pha khổ nhọc, rêu đèo, lặn suối, nghe chim cây, trông vượn núi, họ không khỏi không nhớ quê hương, phần tử mà dễ sinh lòng chán-nản.

Nhưng được các nhà cầm quân đã có cái thuật biết người, biết cảm hóa những người trai chất phác, gây cho họ thành những trang nghĩa-sĩ đủ can-đảm, sẵn hi-sinh. Các ông tướng ấy đã mượn câu ca, giọng hát, gieo vào tâm hồn ngây thơ kia những tư tưởng trung-quân, ái quốc làm cho họ hăng hái tiến lên đề trong đền nợ quốc-gia, ngoài giữ yên bờ cõi.

Bài thơ « Nam quốc sơn hà » ở đời Lý bài « lịch Tướng-sĩ » của Trần quốc-Tuấn, bài cáo « bình Ngô » của Nguyễn-Trãi, dịp « hát trống quân » tương truyền là lối quân trung tiêu-khiên của quân đội vua Quang-Trung, bài « Sãi vãi » của Nguyễn cư-Trinh phải chăng đã giúp cho chiến-sĩ Việt-nam thêm lòng dũng cảm, nghĩa hi-sinh, nên trên trang lịch-sử Việt nam tuy có phen dẫm máu mà nói giống Việt-nam vẫn tồn tại vậy.

Năm Minh-mệnh thứ 15 (1834) thổ-hào Nùng văn-Vân nổi lên cướp phá miền thượng-du Bắc-kỳ, hai tỉnh Tuyên-quang Cao-bằng là nơi dân cư đang ở yên bồng hòa ra bãi chiến-trường.

Triều-dinh sai quan Tổng đốc quân vụ Lê văn-Đức, hợp với quan Tham-tán quân cơ là Nguyễn công-Trứ đem quân đánh dẹp. Trải bao nỗi gian-nan, khó nhọc, quân Triều-dinh dùng mưu vây được Nùng văn-Vân trong rừng, dùng hỏa công đốt chết.

Một chiến công oanh liệt ! Ông tướng thành công sẽ được trọng thưởng, nhưng bọn lý-hưu thì sao ?

Bọn ấy đã gặp được quan Tham tán, một nhà nho lối lạc, đối với họ đầy tình cảm vì chính ông cũng đã nhiều phen vào sinh, ra tử, lặn suối, qua đèo, nên có cái nghĩa phụ tử chi bằng, nhờ thế mà họ được giặc.

Phải chăng cũng quan Tham-tán

đây, khi qua một cái đèo giốc ở Tuyên-quang, nhìn lại đám quân-sĩ thấy lẫn cả người ái-thiếp, đã buột mồm mà ngâm vì cảm động :  
*Dành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã*

*Thương ôi ! kìa chỉ cũng phong trần !*

Và lại vì sự khó nhọc chung đã nghĩ cho quân sĩ bài hát :

*Cái cò lặn lội bờ sông  
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non  
Lộ diệc vũ trùng trung chi nhất (1)*

*Thương cái cò lặn-lội bờ sông,  
Tiếng nỉ-non gánh gạo đưa chồng,*

*Ngoài nghìn dặm, một giờ,  
một nước*

*Trông bóng nhận bằng khuâng  
lừng' bước*

*Nghe tiếng quên khắc khoải  
năm canh*

*Phận lép-tóm (2) ai nỡ rứt  
lình,*

*On thủy-thở phải đến cho vẹn  
(2) xong*

*Trương tên đại xin chàng bảo  
trọng,*

*Thiếp lui về nuôi cái cùng con,  
Cao-bằng cách trở nước non  
Mình trông trăng có quỳnh, thêu  
a lộng*

*Sực bay nhậy một phen năng  
nổ (3),*

*Đa Yên-nhiên (4) còn đó chăng  
mòn,*

*Đồng hưu (5) rặng chếp thê  
sơn*

*Chàng nên danh giá, thiếp còn  
trẻ trung*

*Yêu nhau khăng khít giữ đồng.*

Đọc bài hát trên, hạn dọc thử tưởng tượng trên con đường viễn xứ, một thiếu-phụ đưa chồng, vịn gánh gạo, mặt dăm dăm, lại thêm « lý ngoại » tiếng



không thể không phải là một người con gái đã cũng phải mềm, đã thế, như là bốn bề bát ngát chỉ một giới, một nước, đi vào đây bóng nhận bằng khuôn người liễu quyền khắc-khoái, phận làn trai, lam dân, cái tình tếp tóm vợ chồng không sao rút ra đi được nếu không phải đến ơn thủy thò mà chẳng cho là một phận sự thiêng-liêng. Cảnh thật đáng thương mà tình nên trọng!

Song phụ-nữ Việt-nam tuy bị rạn, buồn đau, lúc chia tay cũng không phải là quên hết phận sự nào cần dặn chồng sẽ bay nhảy một phen nặng nỏ, nào bảo trọng, trong trường tên đạn để nàng yên lòng lui về nuôi cạ cùng con, cái phận sự của một người nội trợ.

Rồi thăm-thăm ngày xanh, chỗ Cao bằng cách trở, nước non và Cao bằng xa lắm anh ơi! nàng em còn bế cầu khăn mong quý thân là hộ cho kẻ gỏi tuyệt, năm sương, quên nỗi gia-dinh, dần thân vì nước.

Mặc dầu thế, nàng vẫn chứa chan hi-vọng cho chồng được giờ về nào công ghi vào đá Yên-nhiên, nào tên chép vào Thẻ son, đề khi ấy:

Chàng nên danh giá, thiếp còn trẻ trung.

Phụ quý cùng hưởng cũng như ly-biệt cũng buồn!

Bai hát trên đã bao phen làm cho quân lính — nhất là lính thú Cao-bằng — quên nỗi nhớ nhà mà hăng hái, thẳng tiến vào nơi sào-huyệt của giặc.

Nhưng, tuan ơi! từ trước đến nay kẻ chèo-sĩ chỉ có đi mà ít khi về biết đâu những lũ trắng ngà, gió nội, người thiếu phụ

ở chỗ quê nhà heo hắt đã nghĩ đến các:

Hồn trắng-sĩ gió ừ à thối  
Mặt chính phân trắng giới

giới soi, rồi một mình, trong chỗ buồn the kéo dài ngày tháng, chờ mong tin báo liệp:

Bao giờ bắt được giặc Khôi! (6)  
Chờ yên việc nước, chờ

lời được về. Cao-bằng! Cao-bằng! nơi bên viễn đã bao phen làm cha phụ-nữ Việt-nam buồn rầu lúc phân ly, khi tụ tán, còn gì cảm động cho người vợ lúc tiễn chồng ra đi mà thấy:

Ngang lưng thì thắt bao vàng,  
đầu đội nón dấu vai mang

súng dật một tay thì cắp hỏa-mui,  
một tay cắp giáo quan sai

xuống thuyền, thừng thừng trống đến  
nữ liên, bước chân xuống thuyền nước

mắt như mưa. Lên đường đã vất vả, lúc đến đồn thú lại càng quạ-hiệu. Đồn thú thường là một sơn-phòng heo-lánh chung quanh rừng núi bao la, đằng trước là địa giới Trung-quốc, còn mặt sau, nhìn lại quê nhà:

sương lam mờ mịt, nếu không có việc làm hằng ngày để khuấy-khoá thì đời người lính thú sẽ buồn tẻ, nhưng làm lính là một phận, phận « tôi con », ơn « đất nước » ai giám quên: Ban năm trấn thủ lưu đồn

Ngay thì canh điểm, tối đồn

việc quan Chém tre dẫn gỗ trên ngàn,

Hứa thề hữu khố phân nan

cùng ai! Miệng ăn măng trúc, mắt ngó mai

Những giang chàng như lấy ai

bạn cũ ơ!

Nước chảy trong con cá nó  
vẫy vùng ..

« Con cá nó vẫy vùng » là cái hoài bão của nam-nhĩ, nhất là một chiến sĩ, vì sinh ra ở đời — nhất là đời loạn — mà được « vẫy vùng » thanh gươm, yên ngựa, xông pha nơi mũi tên, hòn đạn, tìm cái vinh quang ở chỗ chiến trường, dù có phải chết nhưng chết về vàng cũng hơn cái chết già trong xô buồng lới.

Cho nên chiến sĩ thời nào cũng vậy, vui vẻ dẫn bước lên đường, mặc dầu sự bần bụ bần lòng vì:

Chỉ làm trai dặm nghìn  
da ngựa Reo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao

Cảm động thay và thiết tha thay như người lính thú nhân về cho vợ:

Ái lên xit Lạng cùng anh,  
Má hồng đội lấy mặt xanh

mang về, tuy có vẻ ngăn cản đừng lên cái « xứ Lạng » mà thiết tha, nước đỏ làm gì, hương ngũ đầy một ý nhớ « ai » mà lại an-ngại cho ai vì theo chồng mà nhan-sắc sẽ phôi-pha, tiêu tụy!

(Xem tiếp trang 15)

1) Cò cũng là một giống trong các loài chim.

2) Nghĩa vợ chồng không thể rút tình đi được. Nợ nhà nước phải lo báo đáp.

3) Nàng nỏ: Nỏ lực, đem sức lực cố gắng làm việc.

4) Đá Yên nhiên: Người Tàu khi dẹp xong Hung nô, khắc chiến-công vào đá núi Yên nhiên.

5) Đồng hươu: Ở chữ « dĩ quố » đồng hươu thích: cùng nhà róc cùng mùi hương cùng lo.

6) Giặc Khôi: Lê văn Khôi (2) làm loạn ở Nam kỳ



# TIẾNG VANG CỦA NON CAO, RỪNG THẳM

NHẬT-NHAM

**B**ẤY lâu ta vẫn tự hào có một nền văn-hóa cổ - hữ, có một kho ca-dao, tục-ngữ đầy đủ. Nhưng ta cũng không quên là cạnh ta, tại miền sơn-sực, dân thổ-trước vẫn có một cái tinh-thần đặc-biệt, một cái di-sản vô cùng quý-báu của tiên-nhân để lại về phong-dao, tục-ngữ.

Ca-dao, tục-ngữ là những tiếng vang dội của đáy lòng người thổ dân chất-phác.

Ca dao, tục-ngữ là một lối văn vần từ truyền, mộc-mạc, hồn-nhiên, đã vang ra từ nơi non cao, rừng thẳm, trên rừng sông, mặt suối, rong các thung-lũng cổ nội xanh rì, trên đồng lúa bao-la bát ngát.

Ca dao, tục-ngữ mô-tả tình-tình người thổ trước, tiêu-biểu cho cả một đời nông-dân, vũ-về khuyến-khích nông-dân trong cuộc sinh-hoạt trên mặt lúa hay giữa rừng cây thông uất.

Ca-dao, tục-ngữ là những câu trào-phúng, mỉa mai những đôi phong hủ-tục, những hành-vi vô-nhân - đạo, vô-ý - thức của người rừng-núi.

Giọng nhẹ nhàng nhưng hùng-tráng, bình-dị nhưng sâu-xa, những câu ca-dao tục-ngữ đã giữ vững được cái tinh-thần đặc-biệt của một dân-tộc đã quen cảnh thanh u của rừng rậm núi sâu, bạn với tiếng chim kêu, tiếng vượn hó, tiếng lá rụng xào-xào, tiếng suối reo róc-rách!

Trải đời nọ qua đời kia, tại các miền sơn-dã đã từng có các nhà văn bình-dân vô-danh hoạt-dộng một cách âm thầm đã hi-sinh biết bao tâm-lực để làm giàu cho cái kho ca-dao, tục-ngữ của dân rừng núi.

Dưới đây, lời xin trình qua đọc giả một ít ca-dao, tục-ngữ của người thổ trước, để các bạn lĩnh-hội các đặc-linh của dân miền sơn-cước.

Loại người vì lòng tham không đầy gây nên biết bao lần tuồng bi-dát trên sân khấu doanh-boàn. Ngươi thổ lấy đàn kiến để tả cái bề thẳm không bờ, không bến, đã làm cho người ta mất hết cả tính chân-như, mê man trong vòng danh-lợi.

*Càng kin càng ikai* = Càng ăn càng chết,  
*Kin lai thai lai* = ăn nhiều chết nhiều,  
*Thai thai tổ kin* = chết chết, cũng ăn.

Mấy câu trên là một bức chân đề khuyên loài người bớt lòng dục-vọng, để tránh những sự khốn hay cho đời mình,

Muốn rửa những con nhà thiếu giác-dục, không nghĩ đến gia-phong, làm những điều sâng bậy thương luân, bại lý dễ nhục đến tổ tiên, người thổ nói thẳng ngay rằng:

*Mia nhăm rá khừn nả tổ liên lừn mìn* = Nó giã nả lên mặt tổ-tiền nhà nó.

Tại các vùng thượng-du, ruộng đất ít, rừng núi nhiều, dân cư thưa thớt làm nhà gần ruộng để tiện việc cấy cấy trồng trọt, không thể ở hội họp thành làng, xóm đông đúc như dưới xuôi được. Từ nhà nọ, sang nhà kia, không phải là gần, đi lại mất ngày mất giờ, mất công khó, nhọc lại mất cả việc ở nhà, nhất là đương mùa cấy cấy, công việc không thể chậm trễ được, thì dù có ai mời đi ăn cỗ, cũng phải xin từ chối, vì

*Đầy tón giò, tóc nấu tháy*

(Được bồi cỗ, lỡ buổi cấy) để thi - giờ: Dân phân dài dết (dầm mưa dãi nắng) và để làm việc: Kha pùng mù pám (đàn làm tay bần).

Giống như câu tục-ngữ của ta «giàu đâu đến kẻ ngủ trưa, sang đâu đến kẻ say xưa tối ngày» người thổ gọi kẻ lười biếng là hạng người:

*Nòn thàng loại nà keng tưng*  
(Ngủ đến chưa chưa dậy)

Cũng như người mình, người thổ tặng kẻ khinh người:

*Khinh cần bướng tha*  
(Khinh người nửa-con mã)

Trái lại, làm cho người ta đố kỵ, vừa ý tức là:

*Găm khâu ti đăn*

(gài vào chỗ ngựa) của người ta.

Nhưng đối với hạng người nói nhiều, làm ít, nếu ta có câu «Parler et faire sont deux» (Nói và làm là hai việc) và nếu ta có câu «Ngôn bất cố hành» (Nói không làm theo như lời nói), người thổ cũng có câu:

*Chỉ đây pác mọ; nà đây mơn rưg*

(Chỉ được mồm xeo, không được việc gì) v.v



Một người gặp thời vận làm việc gì cũng dễ dàng như trở bàn tay, người ấy

*Đắt phiếc ngài như kén phước*  
(Làm việc dễ như ăn kẹo)

Ta có câu « xỏ chân lỗ mũi », thì người Thổ cũng xỏ câu Vương tự như thế:

*Các kha khim lều toong*  
(gác chân lên trên bụng).

Những kẻ hay lừa người, không giữ chữ hứa, không trọng danh dự, vì:

*Lịn nả đực lai lạng lặt léo.*

(Lừa không xương nhiều đường lặt léo). Mà những người

*Phuối nả phần cầm* (nói không ra tiếng) thường bị công-chúng coi khinh, rẻ-rúng,

Cũng không kém người mình, người thổ có câu:

*Ám lượi phun cặn*  
(ngậm máu phun người)

đề chỉ những kẻ có ác-tâm chỉ tìm cách nói xấu hay làm hại người khác và

*Tăm thây thóc, xioọc thây khâu*  
(Đám bị thóc, chóc bị gạo) đề gọi kẻ hay xui người, giục bị mong được nước béo cò

Lại có câu:

*Khĩa khai lều khaét*  
(Trèo non vượt bể)

đề tả nỗi khó nhọc, những bước gian lao của khách bộ hành trên những vùng:

*kham lặc người piot*

(Thâu sơn cùng cốc) hay của người đi trên con đường đời.

Một người bị cường-quyền uy hiếp cũng ví như bị một cái núi che lấp.

*Khan phia che lăm dôm ná hăn*  
(Núi non che ngất trông chẳng thấy)

Tất cả, ô che mưa, che nắng, người thổ dùng câu: ời

*Lăm từng đả bằng, lăm từng đả bản*  
(ngã, lượm cái ống, dựng lên từng cái nong).

\*\*\*

Dân miền sơn-cước thường vào rừng đốn gỗ làm nhà, làm đồ dùng, lấy củi, đốt than và kiếm các thứ lâm-sản khác như mây, nứa, sơn, rêu, rựa, các chế độ nhuộm, đồ thuộc da, đồ làm thuốc.

Nếu rừng không bị hủy phá nếu những cây cối đã bị chặt lại được ương giong, thì rừng sẽ là một nguồn lợi vô tận, là một cái lương hỏa bất diệt để lưu truyền cho đời sau mãi mãi. Dân miền sơn cước đã từng biết cái lợi của rừng, nên thường lo duy-trì cả loài thảo mộc và khuyến nhủ nhau bớt sự phá rừng. Muốn nhờ khuyến răn ấy có ảnh-hưởng trọng dân-gian, người thổ trước phải dùng thần quyền để gọi lòng tin tưởng của quần chúng. Họ đặt ra bài hát cho lưu-hành khắp nơi, rồi nhờ óc đi đoan của người rừng núi, sự khuyến trướng ấy đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp:

« Tên tiểu-phu Khan năm ngủ, chiêm bao thấy ông thổ thần hiện đến khuyến bảo những người sau này:

« Không nên phá hủy rừng núi  
« bằng lửa hay bằng lưỡi rìu. Đất  
« không phải là vô dụng như người  
« tưởng đâu. Những sản-vật của  
« đất không phải là hết. Cái k'io  
« vô tận ấy để loài người tiêu  
« dùng. Mỗi người nên dự một  
« phần vào công việc gây lại những  
« cây cối đã bị tàn phá để đem lại  
« sự hạnh-phú cho mình và để  
« lại về sau cho con cháu cùng  
« đồng bào. Một dải gang sơn, gấm  
« vóc.

« Già tiểu-phu kia ơi! nếu người  
« không phá hủy rừng núi khuyến răn  
« mà cứ tàn phá cây cối, sau này,  
« người sẽ hối hận, một thanh  
« củi đũa cũng không còn để người  
« dùng:

Đại-y bà khuyến trướng về việc tàn-phá rừng núi như thế. Dưới đây xin sao lục nguyên văn bằng tiếng Thái để độ-giá nhà lâm:

*Văng & Khăn > pát tò phần,*  
*nòn chang lổng, phần hăn ông*  
*Thổ-Thần cạ pát hăn!*

*Giá chốt pồ nả phả đồng*  
*Cần hữ may, cẩu chắc công*  
*mọi cần*

*Cẩu mì mác, cẩu mì phần*  
*Mi ý cẩu cạ, phần đặng thấp*  
*k'io*

*Chủ dân nùng, Pù Lý Thổ*  
*Slon cạ cần, ộc công khổ ngừ*  
*đồng*

*Chay mạy ý, vắn lầu slung*  
*Lực lan, lán lực, tò chung khừn*  
*pồ*

*Hầu giác, lầu cụng ná lo*  
*Mạy từn rạon, mác kìn đơ*  
*gluông mĩ*

*Cầm cẩu tay, mừng lức kự*  
*Sle vắn lạng, cần ộc slí, thanh*  
*nhàn*

*Ái đầy ngàn siên, ngàn phàn*  
*Mạy ý, mạy ón, khỏi mản*  
*giá hăm*

(Còn nữa)  
NHẬT-QUAM

| Giá báo |        |
|---------|--------|
| 1 hăm   | 18\$00 |
| 6 tháng | 9 50   |
| 3 tháng | 5, 00  |
| Mỗi số  | 0, 42  |



# BA THỂ PHÚ, TỶ, HỨNG TRONG Ca dao Việt-nam

TRÚC-KHÉ

Ca dao của Tàu đời xưa, các nhà nghiên cứu từng chia ra ba thể là phú, tỷ, hứng. Phú là nói thẳng ngay vào việc mình định nói, chẳng hạn như những thơ Cát-dạm, Quyền nhĩ ở trong kinh Thi; tỷ là nói ví, mượn cái nọ để nói cái kia, chẳng hạn như những thơ Chung-tu, Lục-y ở trong kinh Thi; hứng là trước khi nói vào việc mình định nói, hằng mượn một vật gì mà thấy tai nghe mà nói lên trước để khơi gợi, như những thơ Quan-thư, Thơ-la trong kinh Thi chẳng hạn. Ngoài ra lại còn có những bài làm theo thể phú mà lại là thể hứng, thể phú mà lại là thể tỷ, thể tỷ mà lại là thể hứng, thể hứng mà lại là thể tỷ v.v.

Xét ra ca-dao của nước ta, trải mấy nghìn năm các nhà thơ vô danh làm ra, cũng có đủ những thể các ấy. Nay xin trích lược ra đây ít bài làm tỷ dụ, để độc giả biết sự phân loại của những bài làm theo mấy thể ấy, bởi nó có những đặc-điểm khác nhau như thế nào.

Làm giai quyết chí tu thân,  
Công danh không vội, nợ-nần không lo,  
Giới sinh giới giúp công cho,  
Làm giai năm lậu bấy lo mới hào.  
Giới sinh giới có phụ nào;  
Phong vân gặp hội, anh hào ra tay.

Chỉ khôn xếp để dạ này  
Có công mài sắt có ngày nên kim.

Ba năm trăm tuổi lưu đồn  
Ngày tại cạnh diêm tối đồn  
việc quan:

Chém tre đâm gỗ trên ngàn,  
Hữu thân hữu khố phần nan  
cùng ai.

Miệng ăn măng trúc, măng mai  
Những giang cùng nữa lấy ai  
bạn cùng?

Hai bài này đều là làm theo thể phú. Phú là bày ra, nghĩa là nói ngay vào việc. Bài trên là lời tự phần tự lộ của một người con giai, bài dưới là lời than nỗi vất vả của một người liêu thú.

Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Có quán tình phụ cây đa  
Ba năm quán đồ cây đa hãy còn,  
Có mực, anh tình phụ son,  
Có kẻ đẹp giòng tình phụ nhàn duyên.

Hai bài này đều là thể tỷ, nghĩa là mượn việc nọ để nói ví việc kia. Nói muốn sang sông thì phải bắc cầu, để ví muốn con hay chữ thì phải yêu thầy học; nói có quán tình phụ cây đa, để ví người con trai bạc tình có người yêu mới thì chẳng đoái gì tới người vợ cũ nữa, có bết đau cái quán có ngày

phải đổ mà cây đa thì còn mãi, cũng như cái tình yêu tạm bợ sẽ không bền được mà người « vợ cái con cọt » thì còn ở với nhau lâu dài; có mực phụ son cũng là ý nói ví như vậy.

Quả cau nho nhỏ,  
Cái vỏ vân vân.  
Nay anh học đường gần,  
Mai anh học đường xa.  
Lấy em về từ thủa mười ba,  
Đến năm mười tám đã hòa năm con.  
Ra đường thiệp hãy còn xon,  
Về nhà thiệp đã năm con cùng chàng.

Con cò lặn lội bờ sông  
Gánh gạo đưa chồng g tiếng  
khóc nỉ non.  
« Nàng ơi ! trở lại nuôi con,  
« Đề anh đi chầy nước non  
Cao-bằng. »

Hai bài này đều là làm theo thể hứng. Bài trên là lời của vợ người học trò có chồng đi trọ học, trước khi muốn kể cái nhan sắc của mình tuy đã năm con mà trông vẫn kháu-kĩnh, hãy mượn quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân, tức là ý xin xỏ, để khởi hứng ở trên. Bài dưới là lời của người vợ liêu tiền chồng đi thú ở Cao-bằng; hai câu dưới trong bài nghe ra lời người chồng, đó là do vợ thuật lại lời chồng nói. Trước khi



## TẬP CHÍ

muốn kể nỗi tiền chồng ra  
đi mà, ừ non khóc lóc hãy mượn  
cảnh con cò lặn lội bờ sông một  
cách vất vả để khởi, hứng ở trên

\*\*\*

Có'cha cô mẹ thì hơn,  
Không cha không mẹ như dờn  
khổng dầy.  
Sa chạnh bước xuống ruộng rằm,  
Đã cấy, đã cấy, đã nhăm thì  
thối.

Hai bài này đều vừa thể phú,  
vừa thể lý. Bài trên câu đầu nói  
thẳng vào việc, câu dưới nói ví;  
bài dưới cũng nói thẳng vào việc,  
nhưng đồng thời lại mượn rau  
rằm là thứ rau cay đắng để ví  
gái cảnh ngộ cay đắng của mình.

\*\*\*

Trông tránh như nỏ không  
quai,  
Như thuyền không lái, như ai  
không chèo.

Bài này thể lý mà lại thể phú.  
Suốt hai câu đều là lời nói ví,  
có ý nói cảnh-ngộ của người con  
gái không chồng, song lối dẫn lời  
thì ra tính-cách của thể phú.

\*\*\*

Rủ nhau xuống bể mò cua,  
Đem về nấu quả mơ chua trên  
rừng.  
Em ơi chú ơi, ngòi đã từng,  
Non xanh nước bạc ta đừng  
quên nhau.

Bài này thể phú mà lại thể  
hứng. Mở đầu nói thẳng vào việc,  
người con trai bảo người con  
gái là chúng mình đã từng trải  
những khi sướng khổ có nhau,  
vậy không bao giờ nên quên nhau,  
song đọc suốt bốn câu thì thấy  
nại câu trên có tính-cách là lời  
khướu hứng của hai câu dưới

\*\*\*

Sông kia có lạ gì cầu,  
Đôi ta có lạ gì nhau mà nhìn

Bài này thể hứng mà lại thể  
lý. Mở đầu mượn nói sông và  
cầu để khởi hứng cho cái việc  
định nói ở dưới. Song sông và  
cầu là hai vật gần nhau dùng để  
nói ví hai người vốn vẫn gần gũi  
nhau, cầu kia thường soi bóng  
xuống sông, cũng như hai người  
đã nhìn nhau chán rồi còn lạ gì  
mà phải nhìn nữa

\*\*\*

Trèo lên cây bưởi hái hoa,  
Bước xuống vườn cà hái nu  
lầm xuân.

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,  
Em đã có chồng anh tiếc lắm  
thay!

Vì gì một miếng giầu cay,  
Sao anh chẳng hỏi những  
ngày còn không.

Bây giờ em đã có chồng,  
Như chim vào lồng như cá cắn  
câu.

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ?

Chim vào lồng biết gì ở nào ra?

Bài này kiêm cả ba thể phú,  
hứng, lý. Mở đầu là nói việc, đó  
là thể phú. Nhưng ba câu trên  
có tính-cách là lời khởi hứng của  
những câu dưới, nên lại là thể  
hứng. Đến ba câu cuối thì lại  
hoàn-toàn là thể lý.

Đó, xem ca - dao của ta, về  
phương pháp đặt ra, cũng gồm  
có các thể như vậy. Do đó ta cũng  
nhận thấy cái văn-hóa của ta đối  
với văn-hóa của Tây, có mối liên  
quan mật thiết biết chừng nào.

THÚC KHÉ

## Chiến sĩ Việt nam...

(Theo trang 18)

Về phần phụ nữ, cái lòng nhớ  
meng cũng thiết tha, nhất là khi  
nhớ mà không theo được, đành  
chỉ gửi lòng cho người chiến sĩ  
bằng những câu thực-thà, chất  
phác, nói rõ nỗi gian nan, nguy  
hiểm, vì thế mà không vẹn được  
chữ « lòng »:

Thương anh em cũng muốn vô,  
Sợ chuồng nhà Hồ sợ phá  
Tam giang (7)

hay là :

Đi bộ thì khiếp Hải vân,  
Đi thuyền thì khiếp sóng  
thần, kang rơi

Nhớ thương, ly biệt, phụ nữ  
Việt-nam lúc nào cũng chịu khổ,  
nhấn-nại hi-sinh nhất là thay cho  
người chiến sĩ trong công việc:  
« nuôi già, dạy trẻ », dù trăm  
cay, nghìn đắng, họ cũng không  
từ, không một nhời ta oán.

Cũng nhớ đời tin tức của phụ  
nữ ta, chiến-sĩ Nam Việt mới có  
thời lúc nào cũng yên lòng, hăng  
bái thẳng tiến, lập nên những  
chiến công rực-rỡ, vì chầu ở nhà  
vợ hiền, mẹ giỏi, thay mình gánh  
vác các công việc, họ mới đành  
lòng ra đi theo vào quân ngũ,  
có khi đến mười mười lăm năm  
mới về.

Câu :

Chàng ơi! phải lĩnh thi đi,  
Cửa nhà đơn chiếc đã thì  
rối lo  
là nỗi tiền biệt của người vợ  
chiến-sĩ, tuy nó chỉ giản-dị thông  
thường mà bao nhiêu tâm sự, bao  
nhiều tình tứ, bết đâu không cảm  
động vì đó mà người chiến sĩ  
hàng hái ra đi.

TIÊN ĐÀM

(7) Chuồng nhà Hồ sợ phá Tam  
giang; một nơi (lâm trí) ở ngoài một  
nơi có sông lớn là hai nơi, nguy  
hiểm khi xưa, trên đường đi vào  
Huế.

V. M.



# CÁCH CHIÊM - NGHIỆM VÀ CUỘC SINH - HOẠT

của người xưa theo ca - dao, tục - ngữ

THANH-NHƯ-LUÂN

Dân tộc Việt nam minh từ xưa phần nhiều sống trong trường học vũ-trụ. Một sự thay đổi trên không trung, một chuồn động bất thường của vạn vật, mọi cử chỉ hành vi đặc biệt của một người thường được chiêm - nghiệm và truyền tụng lại bằng những câu ca dao tục ngữ.

Những sự biến-ảo hằng ngày của tạo-vật thường báo cho chúng ta bằng những điềm mà chúng ta không hiểu. Nếu theo sự kinh-nghiệm của người xưa, trong ca-dao tục-ngữ thì ta sẽ thấy những điềm ấy sẽ chỉ về những sự gì.

Một chiều hè oi bức, chúng ta ngồi mong một trận gió to hoặc một cơn mưa mát mẻ. Khi thấy đằng đông chớp nháy, trên trời thưa sao, hoặc mây trắng ửng ửng kéo lấp vòm trời, đó là sắp mưa:

— Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

— Đông sao nắng, vắng sao mưa.

— Mây xanh nắng, mây trắng thì mưa.

Cũng như mấy câu trên này, những ca-dao sau đây đều là triệu chứng giới sắp mưa cả.

Đèn bay thấp mưa ngập bờ ao.

Đèn bay cao mưa rào lại tạnh.

— Mưa hè đang nắng cỏ gà trắng thì mưa.

Trời mưa hàng tiếng đồng hồ, có khi kéo dài cả buổi khiến chúng ta nóng ruột, tưởng không làm gì được, nhưng đến trưa trời quang, mây tạnh, giọt mưa thưa thớt.

« Mưa không qua Ngọ, gió không qua Mùi ».

Ngoài khơi, con thuyền đứng đĩnh, các bác thuyền chài đang đánh cá, thấy chân trời một áng mây vàng rực hoặc chiếc mống lơ lửng giữa trời, vội dưng buồm quay thuyền về bến, sợ sẽ có một trận cuồng phong xảy đến, vì:

« Mống cao gió táp, mống áp mưa rào »

và

« Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa ».

Nói về thời tiết, mùa xuân là mùa ẩm áp của người, vật và cây cỏ; thế mà thỉnh - thoảng chúng ta vẫn phải dùng áo mền và co ro vì rét chưa « ly dị » hẳn mùa xuân:

« Tháng riêng rét dãi, tháng hai rét lộc, tháng ba rét nàng Bân ».

Tháng ba tuy trời ẩm áp, mà vẫn phải trừ áo rét bên mình vì con « Đạm chết rét tháng ba » là thế. Đến bao giờ hãy lấy ngọn gió nồm nam, bấy giờ mới hay rằng: « Gió Nam đưa xuân sang hè » mới thật hết rét.

Về phần nhà nông ta đối với ca-dao tục-ngữ có quan hệ gì chăng? Dân quê ta phải đầu là những người thông văn tự; chẳng cần đến lịch của tòa Khâm-thiên giám, hoặc sách dạy thực hành của sở Canh - nông, họ chỉ dựa vào sự luân chuyển của vòm trời bát ngát mà cấy cấy giồng gặt, mà gửi hy-vọng vào kết quả mùa màng.

« Lúa tháng năm trồng giăng rằm tháng tám, »

« Lúa tháng mười trồng mồng tám tháng tư »

Giăng rằm tháng tám trồng rằm là được mùa chiêm và ngày mồng tám tháng tư trời mưa sẽ được cả vụ mùa vì:

« Mồng tám tháng tư không mưa, Bỏ cả cây bừa mà lấp lúa đi. »

Giới không mưa, nắng như thiêu đốt, nhà nông lo hạn hán, mong từng ngày từng giờ. Khi mặt giăng xung quanh vòm một vòng ngũ sắc hình như cái tán, lúc bấy giờ họ mới lộ chút vui mừng: « Giăng quầng thì hạn, giăng tán thì mưa ». Đặt hy vọng vào sự trông giăng, vào giọt nước của Tạo-hóa nhà nông còn nghe từng luồng gió thổi:

« Gió đông là chông lúa chiêm, Gió Bắc là duyên lúa mùa. »

Ngoài công việc cấy cấy, nhà nông không lúc nào bỏ mất thời giờ. Hằng ngày, lo hết việc nọ đến việc kia:

« Nắng sớm thì đi giồng cà, Mưa sớm ở nhà phơi thóc. »

rồi lại lo khi gặp những năm hay mất mùa xảy nạn đói kém:

« Thiếu tháng hai mất cà, Thiếu tháng ba mất đỗ. »

hay: « Năm Tí, năm Ngọ ai có nấy ăn »

và « Năm Thìn, năm Tị chi chẳng nhường em ».

Nghề nông vất vả như thế mà rồi kết cục không bằng chăn tằm kéo kén:

« Làm ruộng 3 năm không bằng nuôi tằm một lứa ».

Làm ruộng, sự sản xuất có ngần, còn nuôi tằm thì:



« Một nông tâm là năm nông kén, một nông kén là chín nén tơ ». Cho nên nghề chăn tằm hái dâu vẫn nhàn và được biết đến ở nhà quê.

\*\*\*

Ca - dao tục-ngữ không những đã tác dụng cho nhà nông, lại còn là một « thuật sĩ » chiêm nghiệm từng người và tính nết của họ để răn bảo chúng ta nữa :

« Chim sa cá nhầy chớ chơi  
Những người lòng bụng chớ chơi  
bạn cùng :

và « Mắt trắng môi thâm da thiết  
bì »

cùng « Những người ty hỷ mắt lơ  
« Giai thì trộm cắp, gái buôn chồng  
người »

toàn là những anh nguy hiểm  
lượng thầy phản bạn ta chẳng nên  
gần.

Nếu bạn nào chưa vợ, nên kén  
các cô có làn tóc mây óng mượt, vì :

« Đàn bà tốt tóc thì sang,  
Đàn ông tốt tóc chỉ mang nặng  
đầu »

và có một thân hình gọn gàng  
nhanh nhẹn có vẻ.

« Khó chán gán mặt đất tiền  
cũng mua » hay một cặp mắt  
nhung đen nháy.

« Người khôn con mắt đen sì,  
Người dại con mắt nửa chì nửa  
thâm. »

Các bạn chớ nên gán các cô có  
cái giọng nói :

« ... lạnh lạnh tiêng đồng,  
Một là sát chồng, hai là hại con »  
và hay

« ... chép miệng thở dài,  
Chỉ là sầu khổ bằng ai bao giờ  
cùng những nàng :

« Phình phình mặt mo  
Chân đi chữ bát thì cho chàng thêm »

Thật còn gì xấu người xấu nốt  
cho bằng những « quí tiều thơ »  
này.

\*\*\*

Ca-dao tục ngữ lại còn là một  
bài học luân lý răn đời. Nào  
những ai ăn ở bất nhân bạc nghĩa,  
nên họ lấy câu :

Đời trước đắp nếm, đời sau ẩm mồ,  
Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

Mà tu nhân tích phúc gây lấy cây  
dù : để lại cho con cháu về sau.  
Các cậu học-trò ngông nghênh  
không biết nghe lời cha khuyên  
mẹ dạy, còn gân cổ cãi lý, nên  
nhớ :

Cá không ăn muối cá uớt,  
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.  
và ra đường thường hay tự nào  
tự phụ, có biết đâu rằng ;  
Ở nhà nhất mẹ nhì con,  
Ra đường lăm kẻ còn hơn lăm ta.

Còn những người ăn hoang mại :  
phí, sống chỉ có ngày nay không  
biết tới ngày mai, đến khi bị cực  
mới thấy :

Đi đũa mà chẳng ăn de,  
Đến khi ăn hết thì dè chẳng ra.  
rồi ngửa tay đi vay « một vốn  
bốn lãi » mà chẳng ma nào muốn  
cưu cấp.

Các bậc phụ huynh muốn con  
em học hành tấn tới ngoan ngoãn,  
phải biết qua đến công thầy dạy :

Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Ngoài những luân - lý thường  
thức trên đây, ca-dao còn mỉa-mai  
những anh lười biếng rượu chè :

Giữa đầu đến kẻ ngủ trưa,  
Sang đầu đến kẻ say sưa tới ngày.  
kể muốn ăn không ngồi rồi, ý  
lại vào cái gia-tài của ông cha để  
lại, ăn chơi thỏa thích, nhưng  
« nước chảy đá mòn » và « lọa  
thực sơ, bưng », lấy chi mà  
hưởng mãi được mãi đời.

Ca-dao không những mỉa-mai  
kẻ lười biếng, còn an ủi những  
người số phận hẩm-hiu, làm ăn  
đau tăt mại tới, mà vẫn nghèo  
nản không được sung túc :

Giữa 30 tuổi chớ mừng,  
Khó 30 tuổi em đừng vội lo.

« Và người ta có chi thì nên »  
khiến họ dấy lòng sôi sảng, hăng-  
hái với đời.

\*\*\*

Xem như vậy, ca-dao tục-ngữ  
của ta là một kho tài liệu quí giá  
Về thời-lịch, ca-dao tục-ngữ tạm  
đóng vai trò thiên văn quẻ mùa ;  
về nghệ nông. ca-dao tục-ngữ  
cho người ta một khuôn khổ sẵn  
sàng để làm theo và đặt hy-vọng  
vào mỗi cái chuyển vận của tạo  
vật... Nói tóm lại, ca-dao tục-ngữ  
thật là một pho sách phổ thông  
dạy kinh nghiệm của các bậc tiền  
bối và giúp ích được đôi phần  
cho cuộc sinh hoạt của người đời

TRỊNH-NHU-LUÂN

## ĐÓN CỎI

Vì chận chỗ nên các bài sau  
đây sẽ đăng ở tập hai

1— Kể sử của thời xưa qua  
phong dao

của PHẠM MẠNH PHAN

2— Ca dao, một yếu tố của đại  
chúng văn học

của KIỀU THANH QUẾ

3— Làng và phong dao

của LIÊN GIANG

4— Xét việc làm ruộng của ta  
trong ca dao

của KHÁI SĨNH  
và nhiều bài khác với rất công phu



## Ca dao và cổ tích (Tiếp theo trang 7)

cố gắng lực phá một vại đường hoạt động hoặc phản động của tinh thần ham sống trong dân chúng Việt-nam.

\* \* \*

Điền kiện lịch sử, điều kiện xã hội đã khiến cho tinh thần dân chúng Việt-nam ít khi được tự do phát triển. Trái lại, luôn luôn, tinh thần ấy bị biến khống, và luôn luôn phải tìm cách phản động mà ít khi được tự do hành động. Vì vậy, một phần lớn trong ca dao là những câu hát đề phản động, lại một sự lẻ rệp, dù là đề về phương diện tinh thần hay phương diện vật chất cũng vậy.

1.) Nếu gặp những sự dè nén về phương diện vật chất, dân chúng phản động trong hình thức, vì không đủ điều kiện, mà phản động quyết liệt, trở một vài trường hợp đặc biệt. Nền câu hát thường là câu than vãn, hoặc mai mỉa;

Khi thì người dân nhắc gián tiếp đến cảnh loạn ly

« Ai làm lở bờ rừng ngàn,  
Còn lở cả bờ nhà đã chim bay. »

Khi thì kêu gọi thời tiết:

« Khôn ngoan đối đáp người ngoài,  
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau. »

Hay:

« Nhiều điền phủ lấy giã gừng,  
Người trong một nước thì thương nhau cùng. »

Gặp kẻ hoài nghi, và lung túng thì khuyên:

« Một cây làm chẳng nên non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao. »

Cũng có khi nói kích thích:

« Người đời muốn sự giàu sang,  
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà  
lũ thời »

Rồi nhắc sự nghiệp làm trai:

Làm trai cho đáng nên trai,  
Xương xông, động, động, lên đôi,  
đôi yên. »

Đến lúc đã thoát, được đây, đã làm cho sông núi lại được về yên thì bình tĩnh, không để cho cái say sưa thường đi sau những cuộc đắc thắng làm cho điên rồ, mà chỉ mỉm cười, nhận xét:

« Nước cười châu chấu đá xe  
Tướng, rặng, châu nát, ai dè xe  
ngiên. »

An trong sự bình tĩnh ấy, khác, nào một tiếng reo mừng vang động

Những khi quốc gia lâm nguy, dân chúng phản động như thế. Còn ngày thường, cũng luôn luôn phải phản động lại những sự áp bức về vật chất của thời vài lớp người trong xã hội nữa.

Người nông dân phản động, lại, sự an không, ngồi rồi, của những kẻ giàu sang, của lớp người, quý phái.

Phản động trực tiếp thì chế giễu.

« Nhất sĩ nhì nông,  
Hết gạo chạy rong,  
Nhất công nhì sĩ. »

Phản động gián tiếp thì đem công, đời, ăn lao ra ca tụng:

« Trời mưa thì mặc trời mưa,  
Chồng tôi đi bừa đã có áo lơi. »

Câu hát nghe vừa tự cao, vừa hy vọng:

« Trời mưa trời gió long lộng,  
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu,  
Đem về trồng bí, trồng bầu,  
Trồng hoa, trồng quả, trồng trâu,  
trồng cau. »

Nghe như huân dạy bảo cho những ai vốn quen khinh thị những kẻ ăn lao suốt ngày dùi rất mệt mỏi. Đẹp để bất tài thường hưởng trong các nhà làm việc sống này

bữa, không có một nét phản động tức tởm. Ta chỉ thấy một vẻ tự cao kín đáo, một mối hy vọng bền vững, lẫn ở kẻ quá công việc mình làm.

Kẻ nông phu \* \* \*

« Cây đồng giữa buổi đang trưa,  
Mồ hôi thành thớt như mưa, ruộng  
đầy. »

Nhưng không vì thế mà chán nản. Trái lại, anh ta vui vẻ gọi:

Hỡi cô yếm, thăm dãi là,  
Lại đây đập đất trồng cà dờ anh. »

Vui vẻ được như vậy, vì anh ta tin tưởng được ở công việc mình làm và đã nghĩ đến ngày được hái, mà hứa ngay với « cô yếm thăm dãi là » đó rằng:

Bao giờ cà chín, cà xanh,  
Anh cho một quả để dành nuôi đưa.

Người dân Việt-nam, ngày thường, chỉ phản đối gián tiếp lớp người dè dặt ở trên như thế.

Đã có bán:

**NHÀ BÈN KIA**

của Đỗ Đức Thu giá 0\$65  
Thần thoại và văn chương,  
**TÚ MÔ**

do Lê-Thanh viết, giá 0\$60,

**EM LÀ GÁI BÈN**

**SÔNG CỬA**

của Lưu Trọng Lư giá 1\$50

**VIỆT SỬ GIAI THOẠI**

của Đào-Trĩnh Nhất giá 2\$00

Khảo-cửu về

**TIẾNG VIỆT NAM**

của Trà Ngàn giá 2\$50

**BƯỚC ĐƯỜNG MỚI**

của Dương Ngã giá 3\$00

**KIM LỰU THÁP**

của Phan Quang Định giá 2\$

**NỬA ĐÊM**

của Nạm Cao giá 2\$00

Nhà xuất bản Cộng-Lực

N° 9 Rue Takou - Hanoi



Nhưng cũng có khi những kẻ bị áp bức phải phản đối rõ ràng hơn.

Chẳng hạn, người dân tảo thành chiến tranh khi phải chống với kẻ xâm lấn phương Bắc, nhưng phản đối chiến tranh bên trong phản đối những sự rối loạn gây ra, vì lòng tham lam của một vài kẻ cầm quyền.

Trời ơi, sinh giặc làm chi,  
Cho chồng tôi phải ra đi chiến  
tranh

Hay là:

Anh đi em ở lại nhà,  
Hai người gánh vác mẹ già con thơ!

Người đàn bà, bị mấy nhà nho, đem luân lý ra ràng buộc, nhiều khi cũng phản động mạnh mẽ. Nên luôn luôn, ta thấy những câu chế giễu chế độ đa thê: chế riều cay đắng như câu:

Chồng chung, chồng chạ.

Ai khéo hầu hạ

Thì được chồng riêng.

Chỉ mà sợ, chỉ mà kiêng.

Và nhiều câu thơ vè chát nữa.

Chế riều, chế duyên hơn và chế nháng hơn thì như một câu thơ, cảnh hai người vợ đối đáp nhau một buổi tối:

Vợ - ả:

Anh có thương em

Thì anh ngóh mặt vào rơng.

Đến mai em đi chợ, em mua một

vớ, lòng về anh ả.

Vợ hai:

Anh có thương em thì anh ngảnh  
mặt ra ngoài.

Đến mai em đi chợ em mua một

vớ, khoai mài anh xơi

Nhiều khi, người đàn bà tỏ giọng uất ức hơn, về sự bất bình dẫu nam nữ.

Anh thì quờ ả rơng chơi,

Đề em đi cấy bờ hời uớt đầm

Hoặc tảo bạc giãi bày quan niệm về sự thù tiết giả dối.

Dù khi mẹ chết, các con giết cho  
mẹ năm trâu bảy bò,

Không bằng ngay khi mẹ sống  
các con cho mẹ đi ra lấy chồng.

Trong sự thật, người đàn bà ta khác xa với bình ảnh thường là

giả dối những thiếu nữ khép nép trong trắng sống cuộn cuộn trong vòng tay lòng không biết gì đến cuộc đời thật thực. Trái lại, phụ nữ bình dân xã hội thò ra những kẻ thì vất vả cam dìm, biết làm cột trụ trong gia đình, đảm bảo dựa và nhiều, khi tình nghĩa. Tình nghĩa như cô gái quê vùng họ, hát rằng:

Hỡi anh đi đường cái quan!

Đừng chần chừ lại em than  
vội lời:

Đi đâu với bấy anh ơi,  
Công việc đã có chị tôi ở nhà.

Tình nghĩa không kén gì người con trai làm rõ phản động lại phong tục: giảm giá đó mà thôi nên rằng:

Công anh làm rõ chửng-dại,

À hết mười một, mười hai vại cá

Giống đầu thì đất anh ra,

Không thì anh chết với vại cá  
nhỏ em.

(Còn nữa)

NGUYỄN-DINH-THI

## Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mỗi xuất-bản một giải phẩm về mỹ-thuật

## GROQUIS TONKINOIS

của họa-sĩ HANH-QUYNH

là một tập tranh vẽ thủy-mạc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc:

Tập này khổ 26x32, có 20 bức in lên thứ giấy nhung Thăng-Long cỡ công tại hãng Nguyễn Quý Kỳ (làng Bưởi), in một mặt, tờ rời, dựng trong kiểu bìa hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khảm gỗ in tay, rất công-phu.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40\$00  
cước 2p.00



Gửi giấy mua và mandat lời địa-chỉ bán-hội, 6 đường P. Pasquier gần nơi số 628 (Hanoi)

## QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

Lược-lược về PHỤ VỮ VIỆT-NAM

Giá 2\$50

cuốn sách gối đầu giường với các bà các mẹ, gia đình nào cũng phải có.

LỊCH-SỬ BẢO-CHI Giá 2\$00

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIAO 2\$50

VIỆT-HOA THÔNG-SỬ SỬ LƯỢC

Giá 5\$00

các học-giã, các nhà lưu tâm khảo-vấn-hóa địa-phủ, đọc

TÂN HIẾU KINH

Giá 1\$20

có chữ Hán, cuốn sách cần-thiết cho bất-thấy các gia đình, các học-đường, các giáo-đức-giá.

Sắp phát hành

Luận lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

ai muốn hiểu lý-thuyết và thực-hành

Du-thuyết đều phải đọc cuốn sách này, gồm nhiều

học của khoa Luận lý, du-thuyết hình-thể, cổ kim

Thư đề thảo luận

Y A - TONKIN Rde Tien-Sin-THAI-BU NAI



## Tục ngữ và Ca dao

(Tiếp theo trang 5)

Tục - ngữ lại chế-giễu hạng người *« năm gốc cây sung »* giàu tình ý-lại, lười biếng mà muốn được sung-sướng, hưởng ưu thắng ở đời:

*« Đi học, thầy đánh ;  
« đi gánh, đau vai ;  
« năm dài : chết đói ! »*

Rồi Tục-ngữ không ngần-ngại nói trắng cho hạng người *« đại lân »* ấy biết rằng :

*« Tay lờn, hàm nhai ;  
« Tay sai, hàm trể. »*

\*\*\*

Tục-ngữ, Ca-dao lại phê-bình với giọng ngọt-nhạt, mát-mẻ nhưng mỉa mai việc bói-toán là môn thuật-số do Tàu *« nhập cảng »* :

*« Đốt ra mu,  
« Quét nhà ra rác !  
« Kề sàng đi hỏi người mù ! »*

Và :

*« Lắm thầy thôi rạ !... »*

\*\*\*

Theo cái chế độ phong-kiến của Trung-hoa xưa, thiên-tử là cái đầu nấc thang xã-hội nhiều giai-cấp, được tự-do sức-thể tùy theo ý muốn, nên trong thiên Khúc-lễ hạ ở kinh Lễ có

chép: *« Thiên-tử hữu hậu, hữu phu-nhân, hữu thiế-phụ, hữu lân, hữu thê, hữu thiếp »* (7), nghĩa là thiên-tử có hoăng-hậu, có phu-nhân, có thê-phụ, có tần, có thê, có thiếp.

Vì theo cái gương ấy của thiên-tử, nên từ chư-bầu, công, khanh, đại-phu, sĩ đến thứ-dân, người Tàu đều thực hành cái chế-độ đa thê một cách sốt-sắng.

Nhưng, một khi cái chế-độ trọng nam khinh nữ đó trào vào xứ này, Ca-dao đứng lên, lớn tiếng mạt mủ phái ôai bầu nhân-dục vô-nhại ấy :

*« Sóng bao nhiêu nước cũng vừa,  
« Giai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng ! »*

Rồi phong nhân lại khuyên chị em :

*« Đốt lòng, ăn nằm là sang,  
« Chồng một thì lấy, chồng chung thì đường... »*

Và yên-ủi những ai trung-thành, với chủ - nghĩa nhất phu nhất phụ :

*« Đốt no một vợ, một chồng,  
« Một nêu cơm tằm, dầu lòng ăn chơi, »*

hoặc :

*« Dầu lóm nấu với ruột bầu,  
Chồng chán vợ húp, cầm đầu k'ien ngon. »*

Cứ sơ mấy câu làm lộ như trên, đủ thấy nhiều chỗ tư-lưỡng của Ca-dao, Tục ngữ ta khác hẳn với Tàu, chứ không phải người mlek xưa không có tinh thần tự chủ mà nhất nhất mô-phỏng hay lờ-thuật cái văn-hóa ngoại lai cả đâu.

Nhận xét về tục-ngữ, ca-dao, ta thấy ông cha ngày xưa có cái lực-lượng rất hùng-hậu về mặt tinh-thần.

Phải, cái tinh-thần ấy ngự trong những câu êm-nhẹ mà trầm hùng như :

*« Đấy vàng, đấy cũng đồng đen,  
« Đấy hoa sớ trắng, đấy sen Tây hồ. »*

Và lý-luận danh thép như :

*« Có khó mới có miệng ăn,  
« Ngồi không ai dễ đem phần đến chõ ! »*

Chính cái tinh-thần ấy đã nâng dân-tộc này lên một địa-vị chắc-chắn và vững bền.

Cũng chính cái tinh-thần ấy đã giữ cho Quốc-gia, vượt bao sóng gió hiểm-nghèo và đưa đến một ngày mai tươi sáng.

HOA BẮNG

7) Lễ kỹ, quyển 1, tờ 22 b.

Hãy đọc

## HÁT ĐẼM NGHỆ VINH

(khảo cứu của Ng. Đông Chi tác giả « Việt Nam cổ văn-học sử »)

Một lối văn rất xưa chưa được ai biết. Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng. Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Đang in: **NGÔ VƯƠNG QUYỀN**

lịch-sử và sự đời của dân thanh Mai

**THƠ ĐỎ PHỦ** Bản dịch của Hoàng Trọng

**TÂN VIỆT - 29 - LAMBLÔT - HANOI**

Đã có bán

## TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires của Edgar Poë)

Bản dịch của Mộng Huyền

(quyển II) - Giá 4\$50

Còn một ít

Truyện dị thường I - Giá 4 p. 50

Nguyễn văn Siêu - Giá 2 p. 90

Vương dương Minh - Giá 13 p. 80

Cảnh trí đại cương - Giá 3 p. 70

Triết học: Aristote - Giá 3 p. 80



# Đời cô Việt-nữ qua mớ ca-dao

THÁI-TRẦN

**C**Ó thể nói rằng vì phụ nữ mà nguồn ca-dao Việt-nam mới rất phong phú. Muốn chứng lời đó, xin các ngài hãy thử tưởng-tượng lần đời một cô con gái, từ lúc còn sen ngổ đảo (ơ, đến lúc có chồng và làm mẹ). Chúng tôi xin cũng theo từng thời - kỳ trong đời cô ấy, mà nhắc lại những câu, cô có thể làm được, hay vì cô ấy mà người ta làm, do tình hay do cảnh xui nên.

Tôi đã cận kê, lẽ tất nhiên cô phải nghĩ đến tình duyên. Cho dầu ở với cha mẹ sung - sướng mặc dầu, nhưng cứ chán đơn gối chiếc, rồi thấy người ta nay kẻ chuyện xóm Nam-lân người kia tổng nữ, mai nghe chuyện làng Bắc-lý kẻ nọ nghênh thê, thì làm thế nào mà chẳng phải buột miệng ra những câu như :

*Dẫn ngồi cử: sờ chạm rỗng,  
Chấn loan gối phượng, không chồng  
vững hờ.*

Nhưng dầu có nói vậy, chứ cho có dần-độn đến đâu chẳng nữa, nghĩ đến chuyện trăm năm của mình cô cũng phải tự nhủ rằng :

*Lấy chồng cho đáng tầm chồng,  
Đỡ công trang điểm má hồng rắng  
đen.*

Đương lúc một mình lo quanh lo quẩn với cái tương-lai đầy hi-vọng và đầy vẻ-dáng sợ hãi, thì tình cờ, lúc đi gánh nước, gặp một anh chàng.

Cô cất tiếng hát :

*Đem qua sông giếng từ mờ  
Em đi gánh nước tình cờ gặp anh.  
Vào vườn hái quả cau xanh,  
Đỡ ra làm tấm mồi anh soi giữa,  
Giữa này đêm những với lâu.  
Ở đây đêm quá đôi đầu thơm cay,*

*Mời anh ăn miếng giần nồng.*

*Dù mặt dù nhạt dù cay dù nồng,  
Vì không nên đạo vợ chồng.*

*Thì anh cũng rõ tấm lòng cho em.*

Thế rồi đôi mắt cùng lèc, đôi lòng cùng ua, cô và anh chàng trước còn hỏi nhau về gia thế, rồi sau tình đến việc trợn đời. Muốn tỏ cho anh chàng biết rằng mình chưa ước hẹn ừng ai, cô ấy nói :

*Ngọc còn ở bóng cây lừng,  
Thuyền - quỳên còn đợi anh hùng  
sánh vai.*

Được anh chàng tỏ lời âu yếm, cô vui vẻ vô cùng, nhưng bết đầu anh chẳng phải là dòng họ Sỡ, nên thử lòng anh, cô hỏi :

*Trông anh như thế sao mai,  
Biết rằng trong có như ngoài cho  
chăng?*

Anh chàng là người tử-tế, dầu chịu những tiếng ngờ vực như thế. Anh lết sức cãi, hùng hồn dện nổi ô nàng đang nín chàng bằng con mắt ngờ vực phải dịu nét mặt lại nở một nụ cười mà rằng :

*Chúông già đồng điều chúông kêu,  
Anh già nhời nói em siêng tấm lòng.*

Đã không ngờ vực gì nữa, tất là anh chàng yêu cô mà cô cũng cảm anh chàng. Muốn tỏ lòng yêu, cô bảo anh :

*Qua đình ghé nón trông đình,  
Đình bao nhiêu ngói thương mình  
bấy nhiêu ;  
Yêu anh tâm trí hao mòn,  
Yêu anh đến thác hãy còn gét anh.*

Nếu vắng mặt anh chàng lâu mà không được gặp, thì cô buồn rầu khôn xiết, buồn đến nỗi phải buột miệng mà rằng :

*Dù ai thử bạc cho vàng,  
Chẳng bằng trông thấy mặt chàng  
hôm nay.*

Từ tình yêu đến ước hẹn chỉ có một bước. Hẹn với anh chàng, cô hết sức thực thà :

*Bao giờ cạn lạch Đồng-nai,  
Nát châu Thiên - mại mới sai lời  
nguyên ;*

*Mẫu-đơn mọc cạnh nhà thờ,  
Đôi ta trịnh tiết đợi chờ lấy nhau.*

Trung hậu như thế, chất phác như thế, làm gì anh chàng chẳng mê tít đi mà về nhà thu xếp đề chồng cùng ý trung nhân được trọn nguyên chân gối.

\*\*\*

Lấy chồng rồi cô yêu chồng lắm, thương những lúc đêm hôm thanh vắng, chẳng ai, chẳng thẹn, cô đã ngỏ cùng chồng rằng :

*Bác mẹ bà mớm pàng nua,  
Tội gì thì chịu, không yêu bằng  
chồng.*

Được chồng yêu, cô vui lắm, tức cảnh nên câu rằng :

*Chồng yêu cái tóc nên dài,  
Cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn.*

Phân đã đẹp duyên đã ra, thì dù gặp phải chồng nghèo, chồng xấu, cô cũng chẳng ngại :

*Xấu xa cũng thế chồng ta,  
Song ta tốt-đẹp lại ra chồng người ;*

*Chồng ta áo rách ta thương,  
Chồng người áo gấm xông hương  
mực người.*

*Đôi no một vợ, một chồng,  
Một niêu cơm tấm, dầu lòng ăn chơi.*

Ngài nghèo kiết mạt, nghèo kiết, cô cũng tìm cách chiều chồng; bởi thế bắt được ít cá, cô nướng cho vàng, rồi lấy tiền mua rượu cho chồng uống chơi. Lúc chồng đương khê-khà chen rượu, cô lấy làm lý-thủ lắm, nên ngấu lúng đọc lên câu tức cảnh rằng :

*Đốt than, nướng cá cho vàng,  
Lấy tiền mua rượu cho chàng  
uống chơi.*

Thế nhưng lấy nhau có phải chỉ đùa mà yêu kuông được dài. Phải lập gia-đình, phải lo cho đủ ăn đủ



mặc, phải làm việc mới được, thế cho nên hề thấy chồng ra ý lười biếng, cô lại nhắc:

Mặt giời tung-tăng vạng đông, anh ơi, giờ đây ra đồng kẻo trưa.

Anh về chầy quá, hái cà,  
Đề em đi chợ kẻo mà nhớ phiên;  
Chợ nhớ phiên lớn công, thiệt của,  
Miếng tiêng người cười rõ sao đang;  
Lấy chồng phải gán giang san,  
Chợ phiên còn nhớ, giang san còn gì!

Gặp phải anh chồng không biết lo xa, cô liệu kiếm lời nhắc nhở:  
Đánh cờ nước bi không loan,  
Đàn cò khéo liệ, trăm bài cũng thua.

Đây là nêu chồng cô là người làm ruộng, còn nếu cô đã chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ, mà lấy anh học trò, thì cô lại khuyên can bằng một cách khác, đại loại như:

Khuyên si ông đọc sách, ngâm thơ,  
Đầu hao, thiệp rót; đèn mờ thiệp khêu.

Trước lời nói như thế, anh phòng vào mà chẳng phải cố cho có ruộng cả ao liền, hay cho được bằng vàng bìa đá.

\*\*\*  
Đã có chồng, tất phải có con. Muốn tỏ cái khó-nhọc của sự sinh nở, cô nói:

Đàn ông vượt bể, có chẳng, có bạn;  
Đàn bà vượt cạn: chỉ có một mình.

Tuổi nhưng khi đã còn quăn, con dãi, con bông, con mang rồi, thì cô thấy gia đình vui vẻ quá, nên cô tự đắc với chị em rằng:

Giai ơn vua khi đưa thườn rồng,  
Giai ơn chồng khi bồng con thơ;  
Ơn vua xem nặng bằng non,

Ơn chồng nhờ được tờ lớn đời truyền.

Đã là dân, ai cũng có bổn-phận giữ gìn đất nước. Nếu có lệnh gọi chồng đi lính, mà anh chồng lại ra ý ngăn-ngừ, thì cô nói phất ngay:

Cận phòng phải lính thì đi, cửa nhà sau trước đã thì có em.

Nói thì nói vậy, nhưng trước cảnh ly-biệt, ai chẳng buồn lòng. Trong lúc phòng không, chiếc bóng, cô chỉ một lòng cầu-nguyện:  
Bao giờ bắt được giặc Khô!

Cho yên việc nước, chồng tôi giờ về.

Như thế, ai cũng biết rằng vắng chồng, cô bao xối nhớ-nhung mong-mỏi; nhưng mặc dầu phòng không, bóng chiếc cô bao giờ cũng vẫn trung-thành. Trong lúc rạ, ngoài làm ruộng, nếu có gặp anh nào trêu gọi, cô chỉ nói mát mẻ xuôi cặp rằng:

Ba đồng một mớ giầu cay,  
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng,  
Như chim vào lồng, như cá cắn cần.

Trước lời nói ấy, anh nào mà chẳng phải đánh trống lảng?

\*\*\*  
Trên đây là tôi nói về cảnh thuận. Nếu cô kia số vất-vả, gặp phải anh chồng không ra chồng, thì lẽ tất nhiên là cô phải buồn. Đã buồn tất phải có câu oán trách.

Tiếc công mình chịu thương chịu khổ, có oán nản:

Bán hàng, ăn những chim cau,  
Chồng, em, có biết cơ mưu này chăng?

Hay:  
Chồng con là cái nợ nần,  
Thà rằng ở vậy cho thân bèo mắm.

Hay:  
Chồng khốn thì nổi cơ-đồ,  
Chồng đại thì lỗ công-phu nhọc mình.

Thấy chồng có ý ghẻ lạnh, cô tự vấn xem có lỗi gì không; Cô thấy không có điều gì trái đạo, nên cô dăm nghi. Nhân lúc đêm khuya thanh vắng, cô oán-nản:

Một ngày ba bận treo đèn,  
Vì ai và sách, lưng eo, hỡi chàng?

Oán-nản mà chồng chẳng nghe, thì cô cho là chồng có ngoại tình, bèn gở gọng trách:

Ngáy xưa anh hùng, anh beo, tay cắt chén thuốc, tay bóc mũi chanh;

Bây giờ anh khỗ, anh lành, anh ăn duyên mới, anh đánh phụ tôi!

Trách-móc chẳng thấy ăn thua gì, chán lúc cô cũng muốn vất quách chồng đi. Nhưng nghĩ đi, còn có nghĩ lại, vợ chồng là nghĩa già đời, ai ơi chớ nghĩ những lời thiệt hơn, nên cô lúc cô phải dằn lòng mà khuyên giải, van lơn chồng bằng những câu như:

Chớ chê em xấu, em đen,  
Em như nước đục, đánh phen lại trong.

Một gầu thì cũ cũng gầu,  
Mới có mỹ miều, cũ có công lành.

Trong lúc nói những câu như thế, chắc cô cũng nghĩ rằng: chồng chê thì mặc chồng chê, rủa khú nấu với cá ché ngọt lừ. Nếu nghe thấy những lời ngon ngọt, anh chồng biết hối quá thì chớ, bằng cứ trơ như đá, vững như đồng, thì cô phải lên giọng cứng-cỏi:

Dù chàng năm thiệp bầy thê,  
Chàng không bỏ được gái sẽ này đây!

Không những cứng-cỏi, còn ra giọng đe dọa nữa:

Có vả mà phụ lòng son,  
Có chùa bên Bắc bỏ miến bên đông.

Có bát sứ tình phụ bát đàn,  
Nung, nia bát sứ vỡ tan có ngày!

Dọa mà chẳng được, cô theo rồi chồng. Bất được quả tang, chồng chuyện trò với gái, đáng lẽ cớ hồi cơ tam bành lên là phải, nhưng nghĩ rằng, ngựa ghê hơn ghen, xấu chàng mà có ai khen gì mình, nên cô sẽ bảo chồng về, rồi quay lại người con gái kia, cô ngọt-nhạt:

Một tay đan chín bếp cơm,  
Một tay nao mướp, chị nhường chồng cho.

Trời ơi! Khen thay cũng thực vào giòng nhà ghen! Mụ Hoạn giả cô gặp tay cô cũng phải phục cô là ngời đi đời; vì cô không ghen



như mẹ, cô chỉ ghen bằng một cách quê-mù thể thôi. Cô vui lòng nhường chồng cho đấy, nhưng về nhà cô, trong một lúc phải thổi những chín nồi cơm lại nạo được quả mướp nữa, nghĩa là phải có mười tay mới làm nổi công-việc, thì cô mới nhường cho, còn không thì « liệu mà xa chạy cao bay, ai ăn ta có ngần này mà thôi: »

Ghen nhẹ nhàng mà thâm-trầm như thế, thiết tưởng anh chồng cũng phải hối qua, mà kẻ tình địch cũng phải bẽn-lẽn lánh xa, không dám bén mảng lại nữa.

\*\*\*

Nhưng công-việc của cô có phải chỉ ở những việc chúng tôi vừa mới kể trên này đâu. Cô còn có một việc rất quan-hệ, là thay chồng dạy lũ con, cho sau này chúng nên người có giáo-dục. Ý cô cũng nghĩ rằng con hư tại mẹ, cháu hư tại bà, cho nên dù có thương con đến cực điểm đi nữa, có lúc cũng phải mắng mỗ dạy bảo, khuyên ngăn, thúc giục lũ con. Cô khuyên con thế nào? Nay đây, ta hãy nghe cô nói:

Con ơi ! muốn nên thân người,  
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha,  
Gái thì chăm chỉ trong nhà,  
Khi vào canh cửa khi ra thêu-thùa.  
Giai thì đọc sách, ngâm thơ,  
Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa.  
Mai sau nổi được nghiệp nhà,  
Trước là đẹp mặt, sau là hiển thân.

Đấy là cô dạy tất cả các con. Nhưng nói cho đúng sự thực, mà cũng là theo lẽ thường tình, cô dạy-bảo đìu-dắt con gái nhiều hơn là con trai. Con trai một phần giáo-dục ở người cha, chứ đối với con gái, cái trách-nhiệm giáo-dục hình như ở cô tất cả. Người cha đối với con gái chỉ trông nom qua loa thôi, thứ nhất là khi con gái đã lớn tuổi rồi; thẳng hoặc có

thất thố điều gì thì tội-lỗi lại quy cả vào vợ. Cô cũng yên trí rằng, đối với con gái, mình có nhiệm-vụ nặng-nề hơn chồng, cho nên, như trên này tôi vừa nói, cô trông-nom bắt-bẻ con gái từng ly từng tý. Vì đối với người con gái, chữ « Hạnh » là cần thứ nhất, nên chẳng mấy lúc mà không thấy cô dạy dỗ con những điều như:

Cá không ăn muối cá ươn,  
Con chê cha mẹ, trăm đường con hư.

Tốt gỗ còn hơn tốt sơn,  
Xấu người, đẹp nết, còn hơn đẹp người.

Thấy con đến tuổi cập kê, lúc nào cô cũng sợ con vì tình mà hóa ra đi lầm bước lạc. Cho nên luôn miệng cô nói:

Chớ nghe quân tử nói òn,  
Rồi mà có lúc ẵm con một mình.

Mồ cha con bướm khôn ngoan,  
Hoa thơm bướm đậu, hoa lòn bướm bay;

Hoa thơm mất nhị đi rồi,  
Còn thơm đâu nữa mà người ước ao.

Hoa thơm mất nhị đi rồi,  
Đũa rằng trang điểm cũng thời vô duyên.

Khi con đã có chồng, cô cũng vẫn còn lo; nên thỉnh-thoảng có gặp mặt, cô cũng không quên dặn rằng:

Theo cha, theo mẹ đã đành,  
Theo đôi, theo lứa mới thành thất-gia;

Vợ chồng là nghĩa già đời,  
Ai ơi ! chớ nghĩ những nhời thiệt hơn.

Chồng giận, vợ phải làm lành,  
Miệng cười hơn hờ rằng anh giận gì.

Nếu con cô lấy chồng chỉ có bốn phận đối với chồng, thì dạy những câu như thế, thiết tưởng cũng được lắm rồi. Nhưng còn bốn-phận đối với cha mẹ chồng, nhất là đối với mẹ chồng mà lòng

khắc-nghiệt với con dâu không mấy người không có. Làm trọn được bốn phận ấy mới thật là khó. Nếu con cô mà gặp được mẹ chồng hiền, thì cô chỉ dặn có một câu rằng: *dâu hiền nên gái dễ hiền nên giai*. Nhưng nếu gặp người mẹ chồng nghiệt, thì cô phải dặn cận kê, từng ly từng tý, làm cho ta phải nhớ đến bài thơ sau này của một thi-sĩ đời Đường:

« Tam nhật, nhập trù hạ,  
Tây thủ tác canh thang;  
Vị am cô thực tình,  
Tiên khiển tiểu-cô thường. »

Nghĩa là:

Lấy chồng vừa được ba ngày,  
Rửa tay nấu chấy canh đầy đem lên,  
Mẹ chồng mận nhạt chưa quen,  
Cô em nể nộ thử xem có vừa...

Có lẽ tác-giả bài thơ ấy cũng muốn dặn con đối với mẹ chồng phải cần thận mọt bề, việc nào cũng như nấu canh cho mẹ chồng ăn mới được. Nếu cần thận thế mà cũng chẳng được vừa ý mẹ chồng, thì bài học mình đã kinh nghiệm, hoặc tự thân mình kinh nghiệm bay do chị em mình quen biết đã kinh nghiệm, cô sẽ đem ra mà yên ủi con rằng:

Chồng dữ thì em mới sầu,  
Mẹ chồng có dữ giết trâu ăn mừng;  
Chồng dữ thì con hãy lo,  
Mẹ chồng có dữ giết bò ăn khao.

Con cô mà được như cô, thì cô cũng yên tâm. Nhưng ngộ gặp phải đứa con gái ngang ngạnh, có lúc cô cũng phải phát bần: *Nội vô thì về cầu Vô-m,* *Con gái nỏ mồm sẽ ở với cha.*

Thiết tưởng những câu nói vừa dọa vừa có ý khuyên răn ấy, dù ngu ngốc đến thế nào, con cô cũng hiểu cái địa-vị của mình, mà kết lòng tu-tĩnh.

(Trích trong một bài diễn văn)

HẢI-TRẦN



## TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »



= HÀN THUYỀN =

25 Juin có bán

## VĂN HỌC

## KHÁI-LUẬN

HÀN THUYỀN

71 Tiên Trsin  
HANOI

Soạn giả: ĐẶNG THAI MAI

Văn học là gì các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao? Nhiệm vụ của nhà văn là gì? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không? văn chương có cần phải giữ cốt lĩnh quốc gia không? Những thuộc-tính của một văn phẩm kiệt-lai là những gì?

ĐÃ CÓ BÁN

XÃ HỘI VIỆT-NAM

của Lương Đức Thiệp

Dày hơn 400 trang — Giá: 8\$50

Mới xuất bản

## TRUNG-QUỐC

## SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của bất thầy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$90 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$60 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

do Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

## ĐỜI ĐOÀN THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 110 trang giấy ta, có 17 mục: 1. Tư-đức và Công-đức — 2. Cá-nhân và Xã-hội — 3. Xã-hội và các loại xã-hội — 4. Xã-hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5. Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6. Vì đâu quan-niệm về xã-hội của người Việt-Nam không được chính xác? — 7. Quan-niệm về xã-hội không được chính-xác gây ra những tệ-hại gì? — 8. Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9. Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10. Tinh-thần hợp tác. — 11. Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12. Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13. Tôn trọng việc công và của công. — 14. Giữ lễ — 15. Làm việc cho xã-hội. — 16. Lòng bác-ái. — 17. Dùng cơ-quan nào dựng nền công-đức ở xã-hội ta.

Giá bán lẻ 2\$00

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20%. cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do Quảng-vạn-Thành phát hành đều là sách chọn lựa cần thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhớ như quyền Văn liệu Từ-diễn năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản cạo chúng tôi, muốn công-biến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-bào hạ cổ tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng - Vạn - Thành

16 phố Lê - Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancsaulme, Hanoi